

THÔNG BÁO

Về việc tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty CP Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp (Mã chứng khoán: BDT) trân trọng thông báo đến toàn thể Quý cổ đông về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cụ thể như sau:

1. Thời gian và địa điểm tổ chức:

- Thời gian: Lúc 07 giờ 30 phút, Thứ 6 ngày 11 tháng 05 năm 2018
- Địa điểm: Hội trường Công ty CP Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp – Số 03, đường Tôn Đức Thắng, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

2. Đối tượng tham dự: Tất cả cổ đông sở hữu cổ phần của DONG THAP BMC tại thời điểm chốt danh sách ngày 19/04/2018.

3. Nội dung Đại hội: Theo chương trình Đại hội đính kèm.

4. Tài liệu họp Đại hội: Các tài liệu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 được đăng tải trên Website của DONG THAP BMC theo địa chỉ: <http://www.dongthapbmc.vn> mục Quan hệ cổ đông (phần Thông tin Đại hội). Tài liệu chính thức sẽ được gửi đến Quý cổ đông khi đến tham dự Đại hội.

5. Thời gian đăng ký và xác nhận tham dự Đại hội:

- Trường hợp Quý cổ đông không thể tham dự Đại hội, cổ đông có thể ủy quyền bằng văn bản cho người khác tham dự theo mẫu quy định (Mẫu giấy ủy quyền gửi kèm theo thư mời họp hoặc tải tại Website của Công ty). Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác.
- Quý cổ đông không tham dự, cũng như không ủy quyền lại cho người khác tham dự cuộc họp, được xem là tự nguyện từ bỏ quyền tham dự cuộc họp. Mọi thắc mắc, khiếu nại sẽ không được giải quyết.
- Để Đại hội được tổ chức chu đáo, kính đề nghị Quý cổ đông vui lòng xác nhận việc tham dự Đại hội qua điện thoại, fax hoặc email cho Ban Tổ chức Đại hội trước **17h00 ngày 08 tháng 05 năm 2018.**

- Quý cô đồng tham dự Đại hội vui lòng mang theo Thư mời, bản chính CMND (hoặc hộ chiếu), giấy ủy quyền cùng với CMND của người được ủy quyền (trường hợp có ủy quyền) và mặc trang phục lịch sự.

Địa chỉ liên hệ:

- ◇ CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP
- ◇ Số 03 Tôn Đức Thắng, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
- ◇ Điện thoại: 0277.3661166 Fax: 0277.3852751
- ◇ Email: quanhecodong.bdt@gmail.com
- ◇ Người liên hệ: - Bà Nguyễn Thị Bích Thủy - DD: 0983 128 500
 - Bà Nguyễn Kiều Phương - DD: 0939 544 178

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Châu Thành



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

-----oOo-----

GIẤY ỦY QUYỀN

Kính gửi: BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018 - CÔNG TY CP XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

1. BÊN ỦY QUYỀN (BÊN A):

Tên cổ đông (cá nhân/tổ chức):

Mã số cổ đông:

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/GCNDKDN: cấp ngày:

Tại:

Người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức:

Địa chỉ:

Tổng số cổ phần sở hữu:

2. BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN (BÊN B):

Tên cá nhân/tổ chức:

Mã số cổ đông (nếu có):

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/GCNDKDN: cấp ngày:

Tại:

Số cổ phần ủy quyền:

3. Nội dung ủy quyền:

Bên A đồng ý ủy quyền cho Bên B thay mặt Bên A tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp tổ chức ngày 11/05/2018 và đại diện thực hiện biểu quyết, bầu cử với tất cả số cổ phần được ủy quyền theo quy định.

Giấy ủy quyền này chỉ có giá trị tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên nói trên.

Bên ủy quyền hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật và Điều lệ của Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp, đồng thời cam kết không đưa ra bất cứ một khiếu nại, kiện cáo gì đối với Công ty.

..... ngày ... tháng ... năm 2018

Bên ủy quyền

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Bên được ủy quyền

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

**CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VLXD ĐỒNG THÁP**

Ngày 11 tháng 05 năm 2018

Tại: Hội trường Công ty cổ phần Xây Lập và VLXD Đồng Tháp, số 03 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP Cao Lãnh,
Đồng Tháp

(Thời gian dự kiến Từ 7h30' đến 11h30')

THỜI GIAN	NỘI DUNG LÀM VIỆC
7h30 – 8h00	<p>Ban Kiểm tra tỷ lệ cổ đông</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đón tiếp đại biểu, cổ đông. - Các cổ đông tham dự Đại hội đăng ký với Ban kiểm tra tỷ lệ cổ đông và nhận tài liệu Đại hội. <hr/> <ul style="list-style-type: none"> - Chào cờ. - Tuyên bố lý do tổ chức Đại hội và giới thiệu đại biểu, thành phần tham dự. <hr/> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả kiểm tra tỷ lệ cổ đông tham dự Đại hội. <hr/> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Chương trình Đại hội (xin ý kiến Đại hội - giơ thẻ biểu quyết) - Trình Đại hội thông qua “Quy chế làm việc tại Đại hội” (xin ý kiến Đại hội - giơ thẻ biểu quyết). - Trình Đại hội thông qua danh sách đề cử Đoàn Chủ Tịch (xin ý kiến Đại hội - giơ thẻ biểu quyết). Mời Đoàn Chủ Tịch làm việc. - Trình Đại hội thông qua danh sách Ban thư ký Đại hội, Ban Kiểm phiếu (xin ý kiến Đại hội - giơ thẻ biểu quyết). Mời Ban thư ký, Ban Kiểm phiếu làm việc.
8h30 – 9h30	<p>Trình bày các báo cáo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo của Hội đồng Quản trị về kết quả điều hành 2017. - Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ năm 2018. - Báo cáo của Ban Kiểm soát về tình hình hoạt động Công ty năm 2017. - Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán. - Báo cáo dự thảo điều lệ công ty sửa đổi. - Báo cáo dự thảo quy chế quản trị nội bộ công ty.
9h30 – 11h00	<p>Thảo luận và thông qua nội dung tờ trình xin ý kiến đại hội đồng cổ đông:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo của Hội đồng Quản trị về kết quả điều hành năm 2017. - Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ năm 2018. - Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2017 - Báo cáo về chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2017. - Kế hoạch kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2018 - Lựa chọn Công ty kiểm toán cho năm tài chính 2018 - Mức thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, người phụ trách quản trị công ty năm 2018 - Thông qua Điều lệ Công ty sửa đổi. - Thông qua Quy chế quản trị Công ty. - Thông qua việc thoái vốn Nhà Nước và không thực hiện chào mua công khai của nhà đầu tư mua phần vốn Nhà Nước.
11h00 – 11h30	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội. - Bế mạc

Số:.....QC-HDQT

Đông Tháp, Ngày 02 tháng 05 năm 2018

QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VLXD ĐÔNG THÁP

CHƯƠNG I
NHỮNG QUI ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng.

Quy chế này sử dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Xây Lập và VLXD Đông Tháp.

Điều 2. Quy chế quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thủ tục tiến hành Đại hội.

Điều 3. Cổ đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

CHƯƠNG II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 4. Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông.

Điều kiện tham dự Đại hội

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần Công ty Cổ phần Xây Lập và VLXD Đông Tháp hoặc những người được ủy quyền tham dự hợp lệ.

1. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội.

a. Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội cần mang theo các giấy tờ sau:

- Giấy Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu;

- Giấy mời tham dự Đại hội.

- Bản chính Giấy ủy quyền tham dự DHĐCĐ (*trường hợp ủy quyền tham dự Đại hội*).

b. Đăng ký tham dự Đại hội: Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội xuất trình các giấy tờ trên cho Ban tổ chức và được nhận: 01 bộ tài liệu Đại hội. 01 thẻ biểu quyết Trong đó:

* **Thẻ biểu quyết màu hồng** (Ghi: Mã số cổ đông; Số cổ phần được quyền biểu quyết (sở hữu và/hoặc được ủy quyền)).

Cổ đông được ủy quyền bằng văn bản cho người nhận ủy quyền thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội.

c. Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Đoàn chủ tịch, phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình của Đại hội đã được thông qua. Những vấn đề người trước đã phát biểu thì không nên phát biểu lại để tránh trùng lặp. Cổ đông tham dự Đại hội cũng có thể ghi các nội dung vào giấy để chuyển cho Ban thư ký, ý kiến đóng góp bằng văn bản có giá trị như ý kiến phát biểu trực tiếp tại Đại hội.

d. Được tham gia biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo đúng qui định của Luật Doanh nghiệp.

e. Các cổ đông, đại diện cổ đông khi tới dự họp Đại hội đồng cổ đông sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua bằng biểu quyết.

f. Trong thời gian tổ chức Đại hội các cổ đông phải ăn mặc chỉnh tề, tuân theo sự hướng dẫn của Ban tổ chức, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự. Tôn trọng quyền điều hành của Đoàn chủ tịch, tôn trọng kết quả biểu quyết của Đại hội.

g. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến trễ sau khi Đại hội đã khai mạc thì sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, được tham dự và tham gia biểu quyết về các nội dung cần biểu quyết còn lại theo chương trình Đại hội đã được thông qua. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã được tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

Điều 5. Đoàn chủ tịch

1. Đoàn chủ tịch do Đại hội đồng cổ đông bầu, thực hiện điều hành Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn chủ tịch:

a. Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tiến hành các công việc cần thiết để Đại hội đồng cổ đông diễn ra có trật tự và thành công tốt đẹp, đáp ứng được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

b. Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận.

c. Trình dự thảo về những nội dung cần thiết về Đại hội biểu quyết.

d. Trả lời những vấn đề về Đại hội yêu cầu hoặc chỉ định người trả lời.

Điều 6. Ban kiểm tra tỷ lệ cổ đông dự Đại hội

Ban kiểm tra tỷ lệ cổ đông thuộc Ban tổ chức đại hội đồng cổ đông thành lập. Ban kiểm tra tỷ lệ cổ đông có trách nhiệm:

1. Xác định tính hợp lệ theo qui định của pháp luật và đối chiếu với danh sách cổ đông có quyền dự họp

2. Kiểm tra tỷ lệ cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đến dự họp;

3. Kiểm tra chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu, giấy mời, giấy ủy quyền (nếu có) của các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông đến dự họp;

4. Phát thẻ biểu quyết và tài liệu cho cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông;

5. Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tỷ lệ cổ đông tham dự Đại hội.

Điều 7. Thư ký Đại hội

1. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.

- gồm:
2. Thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Đoàn chủ tịch, bao gồm:
 - a. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung tại Đại hội.
 - b. Hỗ trợ Đoàn chủ tịch công bố biên bản và Dự thảo Nghị quyết Đại hội, thông báo của Đoàn chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.
 - c. Tiếp nhận phiếu hỏi, ý kiến của cổ đông.
 - d. Đọc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và thông qua Đại hội.
 - e. Thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa đoàn.

Điều 8. Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu gồm 03 người, được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội.
2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

Giám sát việc biểu quyết của các cổ đông hoặc người đại diện tham dự Đại hội, thông báo kết quả cho Đoàn chủ tịch và Ban thư ký.
3. Ban kiểm phiếu có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của mình.

CHƯƠNG III

TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 9. Điều kiện tiến hành Đại hội

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp và ủy quyền tham dự đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết

Điều 10. Thể lệ biểu quyết, cách thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

1. Tất cả các nội dung trong chương trình của Đại hội đều phải thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự Đại hội bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết của tất cả các cổ đông (theo hướng dẫn của chủ tọa đoàn). Thể lệ biểu quyết:

a. Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông sẽ thực hiện biểu quyết bằng cách giơ thẻ biểu quyết.

b. Ban kiểm phiếu sẽ trực tiếp đếm số thẻ "đồng ý", sau đó đếm số thẻ "không đồng ý" và cuối cùng đếm số thẻ "không có ý kiến" để tổng hợp kết quả biểu quyết.

2. Trong trường hợp vấn đề cần biểu quyết không được Đại hội biểu quyết thông qua thì Đại hội có quyền thảo luận lại, thay đổi nội dung và tiến hành biểu quyết lại. Nội dung thay đổi và kết quả biểu quyết lại phải được Ban kiểm phiếu ghi nhận đầy đủ trong Biên bản kiểm phiếu.

3. Cách thức biểu quyết: Các nội dung biểu quyết trong chương trình Đại hội thực hiện theo quyết định của Đoàn chủ tịch với hình thức biểu quyết bằng cách giơ thẻ biểu quyết: Đồng ý, Không đồng ý, hoặc Không có ý kiến, cụ thể như:

- Thông qua thành phần Đoàn chủ tịch, Ban thư ký, thông qua chương trình Đại hội

- Thông qua các tờ trình về:

+ Báo cáo về công tác điều hành của Hội đồng quản trị năm 2017.

- + Báo cáo của Ban tổng giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017,
- + Tờ trình thay đổi điều lệ công ty,
- + Tờ trình về quy chế quản trị nội bộ công ty,
- + Tờ trình về phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2017,
- + Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2018,
- + Tờ trình chọn đơn vị kiểm toán năm 2018,
- + Tờ trình thù lao HĐQT, Ban kiểm soát và người quản trị công ty năm 2018.
- + Thông qua việc thoái vốn Nhà nước và không thực hiện chào mua công khai của nhà đầu tư mua phần vốn Nhà nước.
- + Và các nội dung khác theo diễn biến thực tế tại Đại hội.

Điều 11. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề trong chương trình Đại hội được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông và đại diện cổ đông dự họp chấp thuận.

2. Đối với các Quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông về Điều lệ Công ty cổ phần Xây Lấp và VLXD Đồng Tháp và các nội dung nêu tại khoản 1 điều 144 của Luật Doanh nghiệp được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông và đại diện cổ đông dự họp chấp thuận.

Điều 12. Biên bản và Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải lập xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

2. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải được thư ký Đại hội lưu giữ tại Công ty Cổ phần Xây Lấp và VLXD Đồng Tháp.

Điều 13. Xử lý trường hợp tổ chức Đại hội đồng cổ đông không thành

1. Trường hợp không có đủ điều kiện tiến hành Đại hội theo qui định, Đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày dự kiến tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần hai phải có số cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Nếu Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần lần thứ hai không có đủ điều kiện tiến hành theo qui định, thì Đại hội lần thứ ba được triệu tập trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự kiến tổ chức Đại hội lần thứ hai. Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc số cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết. Các vấn đề do Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba biểu quyết thông qua đều được coi là hợp lệ.

CHƯƠNG IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Quy chế này gồm 4 chương và 14 Điều do Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây Lấp và VLXD Đồng Tháp ban hành tuân thủ các qui định của pháp luật.

Quy chế này sẽ chính thức có hiệu lực và được áp dụng ngay tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Xây Lắp và VLXD Đồng Tháp sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua với tỉ lệ biểu quyết tán thành là trên 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Các cổ đông, thành viên Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Xây Lắp và VLXD Đồng Tháp chịu trách nhiệm thi hành.

CHIEU TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY
CỔ PHẦN
XÂY LẮP VÀ
VẬT LIỆU XÂY DỰNG
ĐỒNG THÁP
M.S.Đ.Đ. 01396
TỈNH ĐỒNG THÁP



Nguyễn Châu Thành

Số: 49/BC-HĐQT

Đồng Tháp, ngày 18 tháng 11 năm 2018

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2017

**Kính thưa: QUÝ CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP**

Ngày 11/11/2016 là ngày chính thức Công ty Cổ phần Xây lập và VLXD Đồng Tháp đi vào hoạt động với tổng vốn Điều lệ 386 tỷ đồng do Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối. Cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên thị trường UPCOM tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà nội ngày (HNX) 06/09/2017.

Qua gần 14 tháng hoạt động từ ngày 11/11/2016 đến hết ngày 31/12/2017 và với kết quả đạt được vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra cho thấy Công ty đã có nhiều thuận lợi. Tuy nhiên, trong điều kiện kinh tế thị trường mở như hiện nay, cho nên đã có nhiều tổ chức kinh tế được hình thành và hoạt động cùng ngành nghề với Công ty làm cho một số lĩnh vực SXKD của Công ty gặp nhiều khó khăn trong cạnh tranh. Sau đây là một số nội dung chủ yếu xin báo cáo trước Đại hội:

I- Cơ cấu vốn Điều lệ:

1- Cơ cấu vốn Điều lệ tại thời điểm thực hiện CPH theo Quyết định số 1179/QĐ-UBND-HC ngày 19/10/2016 của UBND tỉnh Đồng Tháp:

- Tổng vốn Điều lệ của Công ty: 386 tỷ đồng VN. Trong đó:
 - + Tỷ lệ cổ phần Nhà nước nắm giữ chiếm 92,5% vốn Điều lệ.
 - + Tỷ lệ cổ phần bán ưu đãi cho người lao động trong Doanh nghiệp chiếm 2,37% vốn Điều lệ.
 - + Tỷ lệ cổ phần bán đấu giá công khai và bán thỏa thuận cho các nhà đầu tư thông thường chiếm 5,13% vốn Điều lệ.

2- Chi tiết sở hữu cổ phần tính đến 31/03/2018:

Tổng số cổ phần của Công ty theo vốn Điều lệ, mệnh giá 10.000 đ/cp là 38.600.000 cp, chia ra cho 446 cổ đông gồm:

- | | |
|---|-----------------|
| - Cổ phần của UBND tỉnh | : 35.699.900 cp |
| - Cổ phiếu quỹ của Công ty | : 4.600 cp |
| - Cổ phần của 3 tổ chức kinh tế trong nước | : 333.900 cp |
| - Cổ phần của 439 cá nhân là người trong nước | : 2.559.600 cp |
| - Cổ phần của 2 cá nhân là người nước ngoài | : 2.000 cp |

II- Cơ cấu tổ chức HĐQT

1- Cơ cấu tổ chức và các chức danh Hội đồng quản trị:

HĐQT Công ty gồm 3 nhân sự với các chức danh như sau:

- Ông: Nguyễn Châu Thành - Chủ tịch HĐQT
- Ông: Nguyễn Hữu Phước - TV.HĐQT

- Bà : Trần Thị Thúy Hằng - TV.HĐQT

2- Đại diện vốn Nhà nước tại Công ty:

Cả 3 thành viên HĐQT đều là người được UBND tỉnh Đồng Tháp cử làm đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty là 35.699.900 cp theo Quyết định số 270/QĐ-UBND-TCCB ngày 27/10/2016, tỷ lệ đại diện vốn như sau:

- Ông: Nguyễn Châu Thành - Chủ tịch HĐQT : Đại diện 51%.

- Ông: Nguyễn Hữu Phước - TV.HĐQT : Đại diện 30%.

- Bà : Trần Thị Thúy Hằng - TV.HĐQT : Đại diện 19%.

3- Kết quả hoạt động của HĐQT:

HĐQT luôn nêu cao tính thận trọng và tuân thủ Pháp luật trong công tác quản lý; Luôn nêu cao tinh thần đoàn kết, trung thực, chủ động sáng tạo, trách nhiệm và thực hiện quyền ý kiến, quyền biểu quyết bình đẳng đối với các vấn đề có liên quan.

100% các thành viên đều tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Theo đó, đã ban hành 20 Nghị quyết gồm phê duyệt, chỉ đạo và trực tiếp giải quyết nhiều vấn đề có liên quan đến mọi hoạt động của Công ty thuộc thẩm quyền của HĐQT. Những vấn đề ngoài phạm vi quyền hạn giải quyết của HĐQT đều xin ý kiến bằng văn bản đến cấp thẩm quyền trong tỉnh.

Chỉ đạo thực hiện hoàn thành việc niêm yết và giao dịch Cổ phiếu của Công ty trên thị trường UPCOM tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà nội (HNX).

Trên cơ sở Quy định Pháp luật, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của HĐQT, Kế hoạch SXKD, các Nội quy - Quy chế - Quy định và 3 Phương châm hoạt động của Công ty làm cơ sở để triển khai, đề ra chủ trương, định hướng và chỉ đạo Công ty thực hiện.

Dự báo trước được những khó khăn thách thức sẽ gặp phải trong thực hiện kế hoạch hoạt động SXKD năm 2017, HĐQT đã phối hợp với Ban điều hành và toàn thể người lao động của Công ty không ngừng phấn đấu về mọi mặt, kịp thời giải quyết ngay những bất cập để hoàn thành tốt nhất các chỉ tiêu kế hoạch đã được thông qua Đại hội đồng cổ đông.

Làm tốt công tác kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của Ban điều hành trong thực thi nhiệm vụ được giao.

Thực hiện tốt các công việc khác thuộc thẩm quyền của HĐQT Công ty.

III- Cơ cấu tổ chức Ban Kiểm soát

1- Ban Kiểm soát: Ban Kiểm soát có 3 nhân sự gồm:

- Ông: Võ Đình Quốc Huy - Trưởng Ban Kiểm soát.

- Ông: Đặng Thanh Hồng - Thành viên Ban Kiểm soát.

- Bà : Nguyễn Thị Thanh An - Thành viên Ban Kiểm soát.

IV- Cơ cấu tổ chức Ban Điều hành

1- Ban điều hành Công ty:

Cơ cấu Ban điều hành Công ty có 4 nhân sự. Trong đó, có 1 Phó Tổng Giám đốc được bổ nhiệm mới ngày 01/01/2017 gồm:

- Ông: Nguyễn Hữu Phước - TV.HĐQT - Tổng Giám đốc.
- Bà : Trần Thị Thúy Hằng - TV.HĐQT - Phó Tổng Giám đốc.
- Ông: Thái Văn Thum - Phó Tổng Giám đốc.
- Bà : Phạm Minh Nghĩa - Phó Tổng Giám đốc.

2- Các Phòng, Ban thuộc Công ty:

Cơ cấu 8 bộ phận gồm 7 Phòng chức năng nghiệp vụ và Ban quản lý dự án Khu công nghiệp.

3- Các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:

Cơ cấu 6 đơn vị gồm 3 Xí nghiệp, 1 Nhà máy, 1 Trung tâm và Sàn giao dịch bất động sản.

Một số các Phòng, Ban và đơn vị trực thuộc có bố trí các bộ phận như Kế toán, Kế hoạch, Kỹ thuật, Xưởng, Phân xưởng, Tổ đội, Cửa hàng để thực hiện công tác chuyên môn nghiệp vụ, trực tiếp thi công, sản xuất và kinh doanh.

4- Lao động

Tổng số lao động trong danh sách tính đến 31/03/2018 của Công ty là 447 người. Số lao động này được bố trí, phân công nhiệm vụ phù hợp với năng lực, kinh nghiệm và chuyên môn tại các bộ phận, đơn vị thuộc Công ty.

V- Các Công ty con do Công ty mẹ nắm giữ cổ phần chi phối

1- Công ty Cổ phần Vận tải BMC Đồng Tháp:

Tổng Vốn Điều lệ 18 tỷ đồng, Công ty mẹ nắm giữ cổ phần chi phối 51%.

2- Công ty Cổ phần TVTK và Xây dựng BMC Đồng Tháp:

Tổng Vốn Điều lệ 4 tỷ đồng, Công ty mẹ nắm giữ cổ phần chi phối 67,93%.

VI- Các lĩnh vực hoạt động SXKD của Công ty:

Trên cơ sở các ngành nghề theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty chia ra thành nhiều lĩnh vực hoạt động để thuận lợi theo dõi và hạch toán kế toán như hoạt động khai thác, thi công xây dựng, kinh doanh nhà đất, kinh doanh hàng hóa, sản xuất và kinh doanh sản phẩm tự sản xuất, cơ khí sửa chữa, thử nghiệm...

Trên cơ sở Kế hoạch SXKD hàng năm và căn cứ vào chức năng nhiệm vụ từng lĩnh vực được chia ra hoạt động, Công ty sẽ cân đối giao chỉ tiêu phần đầu cho các bộ phận, đơn vị trực thuộc Công ty thực hiện.

VII- Kết quả giám sát hoạt động của Ban điều hành:

1- Phân công nhiệm vụ Ban điều hành:

Căn cứ vào cơ cấu tổ chức và sau khi trình thông qua HĐQT, Tổng Giám đốc đã ban hành Quy định phân công nhiệm vụ cho từng nhân sự trong Ban điều hành phù hợp với năng lực, kinh nghiệm và chuyên môn. Trong đó, có ủy quyền cụ thể 1 nhân sự được thay mặt Tổng Giám đốc để chỉ đạo điều hành mọi hoạt động của Công ty khi Tổng Giám đốc đi vắng.



2- Đánh giá hoạt động của Ban điều hành:

- Tổng Giám đốc Công ty:

Thực hiện tốt vai trò chỉ đạo điều hành mọi hoạt động của Công ty theo kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và theo Nghị quyết của HĐQT đã được ban hành.

Nghiêm túc thực thi đúng chính sách Pháp luật trong sử dụng đồng vốn, tài sản, lao động, đầu tư và tổ chức SXKD đúng theo ngành nghề cho phép.

Năng động, sáng tạo, quan hệ tốt với các cấp các ngành, đối tác, khách hàng.

- Các Phó tổng Giám đốc:

Các thành viên trong Ban điều hành là Phó Tổng Giám đốc luôn thể hiện được năng lực, kinh nghiệm, có tinh thần trách nhiệm cao và thực hiện tốt công tác chỉ đạo điều hành đối với lĩnh vực hoạt động được phân công.

Tôn trọng Pháp luật và tham mưu tốt về các mặt cho Tổng Giám đốc Công ty.

- Các cuộc họp Ban điều hành:

Duy trì tốt các cuộc họp giao ban hàng tháng và cuộc họp sơ kết để đánh giá lại quá trình hoạt động, tập trung chỉ đạo thực hiện một số nội dung quan trọng, giải quyết những bất cập và lắng nghe ý kiến của các thành phần tham dự. Tham dự cuộc họp có Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát. Theo nội dung này, khi cần thiết Ban điều hành sẽ tổ chức họp đột xuất để thông qua.

Ban điều hành tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT mở rộng để báo cáo quá trình hoạt động SXKD của Công ty trong từng giai đoạn và có nhiều ý kiến đề xuất, đóng góp hữu ích cho HĐQT Công ty.

VII-Tóm tắt tình hình hoạt động SXKD năm 2017

1-Kết quả hoạt động SXKD năm 2017 đã được kiểm toán:

S T T	CHỈ TIÊU CƠ BẢN	ĐVT	KẾ HOẠCH 2017	THỰC HIỆN 2017	SO SÁNH TH VỚI KH
1	2	3	4	5	6
1	Tổng doanh thu	Đồng	460.000.000.000	575.704.000.000	125%
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Đồng	45.268.000.000	82.498.000.000	182%
3	Trích lập quỹ đầu tư phát triển			23.517.000.000	
4	Chia cổ tức	Đồng	29.149.000.000	46.314.000.000	159%
5	Tỷ lệ chia cổ tức/VĐL (loại trừ 4.600 cổ phiếu quỹ)	%	7,55	12	

2- Đánh giá chung về tình hình hoạt động SXKD năm 2017:

- Các lĩnh vực hoạt động SXKD của Công ty đều có mang lại lợi nhuận. Tuy nhiên, có những điểm cần lưu ý để củng cố, duy trì và phát triển như sau:

+ Một số lĩnh vực hoạt động ổn định và phát triển gồm hoạt động khai thác cát, kinh doanh hàng hóa là VLXD, cơ khí sửa chữa, thử nghiệm và Ban Quản lý dự án Khu công nghiệp.

+ Các lĩnh vực hoạt động khác như thi công xây dựng các công trình, đầu tư kinh doanh bất động sản, kinh doanh sản phẩm tự sản xuất mặc dù sản phẩm làm ra đều đạt tiêu chuẩn chất lượng cao và hoàn thiện về nhiều mặt nhưng hiệu quả mang lại chưa cao. Có thể nói giá cả tiêu thụ của Công ty hiện nay còn gặp khó khăn trong cạnh tranh, chưa đa dạng hóa sản phẩm cung cấp cho thị trường, còn hạn chế về quỹ đất để triển khai hoạt động kinh doanh bất động sản là một trong những nguyên nhân chính làm ảnh hưởng đến hoạt động của các lĩnh vực này.

- Toàn Công ty quán triệt tốt chủ trương thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Các đối tác do Công ty lựa chọn để hợp tác như thuê gia công, thi công... đều thể hiện tinh thần trách nhiệm cao và thực hiện tốt yêu cầu của Công ty.

- Hoạt động của hai Công ty con đều mang lại hiệu quả khả quan. Riêng đối với Công ty Cổ phần TVTK và Xây dựng BMC Đồng Tháp đã có dấu hiệu phát triển tốt, vì vậy đã bù đắp được một phần thua lỗ do Ban điều hành từ năm 2014 trở về trước để lại.

3- Những thuận lợi và khó khăn:

a- Những thuận lợi:

- Luôn được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Đồng Tháp, các Sở ban ngành trong tỉnh quan tâm, hỗ trợ và tạo điều kiện tốt nhất cho hoạt động SXKD của Công ty.

- Luôn có được sự gắn kết giữa Đảng ủy, HĐQT, Ban TGD tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên tại Công ty trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành và giải quyết mọi vấn đề có liên quan.

- Tập thể lãnh đạo và người lao động đều tuân thủ tốt chính sách Pháp luật và đoàn kết toàn tâm toàn ý vì sự nghiệp phát triển Công ty.

- Một số cổ đông là tổ chức và cá nhân trong nước luôn tích cực hỗ trợ Công ty khi có yêu cầu.

b- Những khó khăn:

- Sức cạnh tranh thị trường của Công ty vẫn còn hạn chế, nhất là trong đấu thầu thi công xây dựng các công trình, cung cấp sản phẩm tự sản xuất như Bê tông tươi, Bê tông nhựa nóng, Cống bê tông ly tâm và kinh doanh hàng hóa là VLXD.

- Chưa tận dụng tốt lợi thế sẵn có. Công tác nghiên cứu thị trường, tiếp cận khách hàng, mở rộng thị trường chưa đáp ứng theo yêu cầu đề ra.

- Thiếu các sáng kiến tăng năng suất, giảm giá thành, tăng chất lượng ... hàng hóa sản phẩm.

- Thông tin về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ,... công tác hướng dẫn khách hàng tiêu thụ hàng hóa sản phẩm của Công ty chưa tốt.

* Tóm lại:

Trong năm qua Công ty luôn thực hiện tốt chính sách Pháp luật về mọi mặt và có những thuận lợi vượt trội hơn các năm trước, thương hiệu ngày một nâng lên.

Từ lợi nhuận để lại sau thuế TNDN, Công ty đã bổ sung được vốn chủ sở hữu tương đương 23,5 tỷ đồng, chia cổ tức 12% trên Vốn điều lệ cho các cổ đông, ổn định cuộc sống cho gần 450 lao động và mang lại nhiều điểm tích cực khác.

Hoàn thành tốt nghĩa vụ thuế, trong năm đã nộp 197 tỷ đồng, đóng góp vào công tác xã hội tinh nhà khoảng 2,4 tỷ đồng, thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường, PCCC và an ninh, trật tự xã hội nơi có cơ sở của Công ty hoạt động.

Tuy gặt hái được nhiều thành công, nhưng vai trò chủ đạo đối với lĩnh vực XD/CB trong tỉnh là chưa đạt được như kỳ vọng. Trong đó, khách quan nhìn nhận Công ty còn nhiều thua thiệt trong cạnh tranh, chưa thật sự có bước đột phá và còn hạn chế về nhân lực.

IX- Định hướng hoạt động của HĐQT năm 2018

- Tiếp tục thực hiện tốt vai trò quản lý và quản trị doanh nghiệp.
- Nhận dạng được những rủi ro có thể xảy ra để kịp thời chỉ đạo biện pháp ngăn ngừa. Đề ra những định hướng phù hợp nhằm bảo toàn và phát triển đồng vốn, duy trì tốt mọi hoạt động và thực hiện tốt nhất 3 Phương châm của Công ty.
- Tập trung chỉ đạo và tăng cường kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch SXKD năm 2018 và các vấn đề khác có liên quan nhằm đảm bảo thực thi đúng Pháp luật về mọi mặt và giải quyết kịp thời những bất cập và nhằm ngày càng nâng cao tăng hiệu quả trong SXKD.
- Tập trung xây dựng và chỉ đạo thực hiện đồng bộ về nhiều mặt như đầu tư nguồn nhân lực, đổi mới trang thiết bị, áp dụng khoa học công nghệ, vận hành tốt hệ thống marketing, sắp xếp lại cơ cấu tổ chức nhân sự và cơ cấu tổ chức sản xuất, tăng cường tiết kiệm, chọn đối tác hợp tác và liên doanh liên kết...nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh.
- Xúc tiến kêu gọi đầu tư vào Khu, Cụm công nghiệp, đồng thời triển khai thực hiện các Khu, Cụm công nghiệp có trong kế hoạch đầu tư.
- Hoàn tất công tác chào bán cổ phần của Nhà nước hiện có tại Công ty lần 2 theo kế hoạch đã được phê duyệt. Tiếp tục thực hiện công tác thoái vốn đầu tư ra bên ngoài và đầu tư vào các Công ty con.

Trên đây là báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2017 xin thông qua trước Đại hội. HĐQT Công ty hy vọng rằng, những thuận lợi và thành công có được trong năm qua sẽ được nhân lên, đồng thời những khó khăn thách thức đã gặp phải sẽ dần được đẩy lùi trong thời gian tới. Một lần nữa, HĐQT Công ty rất mong tiếp tục nhận được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp các ngành trong tỉnh, sự ủng hộ của quý khách hàng, sự tận tâm của người lao động và rất mong các cổ đông đóng góp ý kiến xây dựng về nhiều mặt nhằm giúp Công ty luôn vững bước trong nền kinh tế thị trường hiện nay.

Xin trân trọng kính chào!

TM/HĐQT CÔNG TY CỔ PHẦN XL VÀ VLXD-ĐT



Đồng Tháp, ngày 09 tháng 4 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2017, KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SXKD VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2018

Căn cứ Quyết định số 880/QĐ-UBND-HC ngày 01/08/2016 của UBND tỉnh Đồng Tháp về phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH một thành viên Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp thành Công ty cổ phần Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp.

Căn cứ quyền hạn, trách nhiệm, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty được nêu tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp.

Căn cứ tình hình thực tế về kinh tế thị trường, định hướng phát triển và khả năng thực hiện của Doanh nghiệp trong thời gian tới.

Nay, Công ty cổ phần Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2017, lập kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2018 bao gồm các nội dung sau đây:

I. Kết quả hoạt động SXKD năm 2017:

1- Khái quát chung về kinh tế và thị trường năm 2017:

Năm 2017, nền kinh tế Việt Nam ước đạt mức tăng trưởng GDP 6,7%, là một năm khởi sắc với mức tăng trưởng cao và kinh tế vĩ mô ổn định. Trong tình ta: Năm 2017 là năm được đánh giá vẫn còn nhiều khó khăn do nền kinh tế có nhiều diễn biến phức tạp, các hoạt động SXKD của doanh nghiệp còn gặp nhiều biến động và thách thức. Với chủ trương đúng đắn, sự quan tâm sâu sắc và chỉ đạo kịp thời của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, các cấp chính quyền và các ngành đã thật sự mang lại hiệu quả thiết thực cho các thành phần kinh tế, vì vậy nhiều lĩnh vực đã từng bước được hồi phục tốt và phát triển một cách bền vững hơn.

2- Khái quát tình hình hoạt động SXKD của Công ty năm 2017:

a- Nhận xét đánh giá:

Năm 2017 là năm đầu tiên Công ty chính thức đi vào hoạt động với mô hình Công ty Cổ phần. Cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường UPCOM tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) vào ngày 06/9/2017. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty cùng với toàn thể người lao động đã tập trung trí tuệ, trí lực nghiên cứu đưa ra các phương án quản lý điều hành doanh nghiệp

ngày càng khoa học, phát huy tính năng động, sáng tạo mang hiệu quả kinh doanh cao, qua đó một lần nữa Công ty chúng ta rất tự hào vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao năm 2017, đã đóng góp không nhỏ vào sự phát triển kinh tế Tỉnh nhà, tăng tích lũy đáng kể về cho NSNN và vốn chủ sở hữu hiện có tại Doanh nghiệp, ổn định cuộc sống cho 445 lao động thường xuyên và mang lại nhiều điểm tích cực khác trong suốt thời gian qua.

Về cơ bản Công ty đã ổn định được mọi hoạt động, lĩnh vực sản xuất và kinh doanh sản phẩm tự sản xuất hiện nay của Công ty đều có mang lại hiệu quả trong năm 2017, các loại sản phẩm như cát xây dựng, bê tông tươi, bê tông nhựa nóng, công bê tông ly tâm, bất động sản... đã có uy tín và thương hiệu trên thị trường. Tuy nhiên, ngoài lĩnh vực khai thác là có khách hàng rộng khắp các tỉnh thành khu vực phía nam thì các lĩnh vực khác còn hạn chế về thị trường và chỉ lớn mạnh trong phạm vi thuộc tỉnh Đồng Tháp. Theo đó, ghi nhận có những thuận lợi và khó khăn thách thức cơ bản như sau:

- Thuận lợi:

Nhờ sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Đồng Tháp, các Sở ban ngành Tỉnh trong công tác đổi mới và phát triển doanh nghiệp, luôn hỗ trợ, theo dõi, động viên khuyến khích Công ty phát triển.

Công ty luôn chấp hành đúng Quy định Pháp luật trong hoạt động kinh doanh và trong các mặt khác có liên quan. Luôn phát huy thế mạnh kể cả về năng lực, kinh nghiệm và tài chính, quán triệt tốt chủ trương thực hành tiết kiệm nhằm tăng năng suất, hạ giá thành. Xây dựng và duy trì thường xuyên mối quan hệ tốt với khách hàng, tạo cầu nối giữa nhà sản xuất và người tiêu dùng. Tình hình tài chính lành mạnh, cân đối sử dụng tốt đồng vốn, không phát sinh nợ phải thu khó đòi, không thất thoát tài sản và đồng vốn chủ sở hữu được tăng thêm từ lợi nhuận để lại.

Tổ chức Đảng, Công Đoàn, Đoàn thanh niên... luôn hoạt động có hiệu quả. Sự đoàn kết, tâm huyết trong điều hành của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc, tư tưởng chính trị người lao động được giữ vững, ngày càng nhiệt tình hơn trong công tác, luôn có thu nhập ổn định, được hưởng công bằng và đầy đủ mọi chế độ theo quy định.

- Khó khăn, thách thức:

Giá nhiên liệu, nguyên vật liệu không ổn định làm ảnh hưởng đến giá thành đầu vào cũng như sự cạnh tranh gay gắt về giá bán sản phẩm từ các thành phần kinh tế khác nên hiệu quả kinh doanh ở một số lĩnh vực chưa đạt theo kỳ vọng.

Những Quy định về siết chặt quản lý trong hoạt động vận tải, kiểm soát trọng tải phương tiện của Bộ Giao thông vận tải đã ảnh hưởng đến giá cước vận tải dẫn đến không ít khó khăn trong việc tiêu thụ sản phẩm trên thị trường. Còn nhiều vướng mắc trong việc xây dựng giá thành và khắc phục cạnh tranh vẫn chưa giải quyết được.

Hầu hết các lĩnh vực SXKD của Công ty đều liên quan đến đầu tư XDCB, do đó một khi diễn biến kinh tế bất lợi nói chung kéo theo nhu cầu thị trường về đầu tư XDCB giảm thì tất yếu doanh nghiệp chúng ta sẽ bị ảnh hưởng.

Người lao động trong từng lĩnh vực vẫn còn nhiều lúng túng trong thực thi nhiệm vụ làm chậm trễ công việc. Công tác nghiên cứu thị trường còn ở mức khiêm tốn, chưa nắm bắt được các cơ hội kinh doanh ra bên ngoài. Việc đầu tư áp dụng khoa học công nghệ vào SXKD còn hạn chế.

b- Số liệu chủ yếu thực hiện năm 2017: (được tính từ ngày 11/11/2016 đến 31/12/2017)

STT	CHỈ TIÊU CƠ BẢN	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2017	THỰC HIỆN NĂM 2017	THỰC HIỆN NĂM 2017 SO VỚI KẾ HOẠCH
1	2	3	4	5	6
I	Số liệu hoạt động SXKD				
1	Tổng doanh thu	Tr.đ	460.000	575.704	125%
2	Tổng chi phí chưa lương	Tr.đ	340.000	364.614	
3	Lợi nhuận chưa lương	Tr.đ	120.000	211.090	
4	Đơn giá tiền lương người lao động	%	51		
5	Quỹ lương người lao động	Tr.đ	61.200	104.995	
6	Quỹ lương viên chức quản lý	Tr.đ	2.215	2.657	
7	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tr.đ	56.585	103.438	183%
8	Thuế TNDN phải nộp	Tr.đ	11.317	20.940	
9	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tr.đ	45.268	82.498	182%
	Trong đó, được phân phối:				
a	Quỹ đầu tư phát triển (20%/LN để lại sau thuế TNDN)	Tr.đ	9.054	23.517	
a.1	- Trích theo tỷ lệ 20%/LN để lại sau thuế TNDN	Tr.đ		16.499	
a.2	- Bổ sung phần còn lại sau khi trích các quỹ và chia cổ tức 12% theo mục d	Tr.đ		7.018	
b	Quỹ khen thưởng viên chức quản lý (1,5 tháng lương/tổng quỹ lương VCQL)	Tr.đ	275	292	
c	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (3 tháng lương/tổng quỹ lương của người lao động), (15%/LN sau thuế)	Tr.đ	6.790	12.375	
d	Chia cổ tức	Tr.đ	29.149	46.314	
	- Tỷ lệ chia cổ tức	%	7,55	12	
10	Thuế phải nộp NSNN	Tr.đ	105.000		

STT	CHỈ TIÊU CƠ BẢN	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2017	THỰC HIỆN NĂM 2017	THỰC HIỆN NĂM 2017 SỐ VỚI KẾ HOẠCH
II	Lao động, tiền lương				
1	Lao động	Người	470	449	
a	- Viên chức quản lý	Người	3	3	
b	- Người lao động	Người	467	446	
2	Tổng quỹ tiền lương	Tr.đ	63.415	107.652	
a	- Quỹ tiền lương viên chức quản lý	Tr.đ	2.215	2.657	
b	- Quỹ tiền lương người lao động	Tr.đ	61.200	104.995	
III	Vốn chủ sở hữu				
1	Vốn chủ sở hữu hiện có đầu năm	Tr.đ	386.000	386.000	
2	Tăng vốn chủ sở hữu trong năm	Tr.đ	9.054	23.517	
	- Từ trích quỹ đầu tư phát triển	Tr.đ	9.054	23.517	
3	Giảm vốn chủ sở hữu trong năm	Tr.đ			
4	Vốn chủ sở hữu cuối năm	Tr.đ	395.054	409.517	

c- Đầu tư hình thành tài sản cố định năm 2017:

STT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ (đồng)	GHI CHÚ
1	2	3	4
1	01 Sơ mi rơ móc	670.000.000	XN Xây dựng
2	01 xe ô tô 16 chỗ	1.131.000.000	Văn phòng Công ty
3	01 Sơ mi rơ móc tải (tự đổ)	690.000.000	XN Xây dựng
4	01 Búa đập đá thủy lực	110.000.000	XN Xây dựng
5	01 Cẩu cầu bánh xích Hitachi	685.000.000	CH Sa Đéc
	TỔNG GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ	3.736.000.000	

d- Đầu tư tài chính:

STT	TÊN TỔ CHỨC KINH TẾ	GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ (đồng)	GHI CHÚ
1	2	3	4
A	CÔNG TY MẸ		
I	Đầu tư vào Công ty con		
1	Công ty CP Vận tải BMC-ĐT	11.100.017.122	SL: 918.000 CP
2	Công ty CP Tư Vấn Thiết kế BMC	564.821.849	SL: 271.700 CP
II	Đầu tư vào C.ty liên doanh, liên kết		
1	Công ty TNHH Bóng đá	2.000.000.000	
III	Đầu tư dài hạn khác		
1	Công ty CP Docimexco	1.192.413.670	SL: 77.170 CP

II. Kế hoạch SXKD và đầu tư phát triển năm 2018:

1/ Xác định lại ngành nghề:

a- Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Khai thác cát; san lấp mặt bằng; mua bán vật liệu xây dựng.
- Thi công xây dựng, tư vấn, khảo sát, thiết kế, giám sát công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, xây dựng công trình công cộng, công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp từ 35KV trở xuống.
- Kinh doanh bất động sản.

b- Ngành, nghề có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính:

- Sản xuất cung ứng các sản phẩm bê tông phục vụ xây dựng.
- Thử nghiệm cơ lý vật liệu xây dựng, kiểm định chất lượng xây dựng.
- Cơ khí sửa chữa.

2/ Xác định mục tiêu chính:

- Tiếp tục duy trì sự ổn định cần thiết đã có được từ nhiều năm nay của Công ty và phần đầu chiếm ưu thế hơn trong cạnh tranh đối với thị trường trong tỉnh, duy trì tốt với khách hàng truyền thống và thu hút khách hàng mới. Từng bước mở rộng địa bàn hoạt động SXKD sang các tỉnh lân cận và khu vực khác.

- Tiếp tục thực hiện tốt nhất phương châm của Công ty gồm:

- + Đối với các lĩnh vực hoạt động: "Uy tín - Chất lượng - An toàn".
- + Đối với người lao động: "Nhiệt tình - Năng động - Sáng tạo - Hiệu quả".
- + Đối với khách hàng: "Đi cùng bạn trên bước đường an cư - lạc nghiệp".

3/ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018:

STT	CHỈ TIÊU CƠ BẢN	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2017	KẾ HOẠCH NĂM 2018	KẾ HOẠCH 2018 SO VỚI TH 2017
1	2	3	4	5	6
I	Số liệu hoạt động SXKD				
1	Tổng doanh thu	Tr.đ	575.704	600.000	
2	Tổng chi phí chưa có lương	Tr.đ	364.614	458.000	
3	Lợi nhuận chưa lương	Tr.đ	211.090	142.000	
4	Đơn giá tiền lương người lao động/ người quản lý Công ty nhưng không là người được nhà nước giao quản lý phần vốn chi phối			49,3	

STT	CHỈ TIÊU CƠ BẢN	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2017	KẾ HOẠCH NĂM 2018	KẾ HOẠCH 2018 SO VỚI TH 2017
5	Quỹ lương người lao động/ người quản lý Công ty nhưng không là người được nhà nước giao quản lý phần vốn chi phối.		104.995	70.000	
6	Quỹ lương Viên chức quản lý Công ty chuyên trách được nhà nước giao quản lý phần vốn chi phối		2.657	1.296	
7	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tr.đ	103.438	72.000	
8	Thuế TNDN phải nộp (20%/LN trước thuế TNDN)	Tr.đ	20.940	14.400	
9	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tr.đ	82.498	57.600	
	Trong đó, được phân phối:				
a	Quỹ đầu tư phát triển (20%/LN để lại sau thuế TNDN)	Tr.đ	23.517	11.520	
b	Quỹ khen thưởng Viên chức quản lý (1,5 tháng lương/tổng quỹ lương VCQL)	Tr.đ	292	162	
c	Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động (15%/LN để lại sau thuế TNDN)	Tr.đ	12.375	8.640	
d	Thù lao HĐQT và Trường ban kiểm soát (tương đương 0,33%/Lợi nhuận sau thuế TNDN)	Tr.đ		192	
e	Thù lao người phụ trách quản trị Công ty (tương đương 0,04%/Lợi nhuận sau thuế TNDN)	Tr.đ		24	
f	Chia cổ tức	Tr.đ	46.314	37.062	
	- Tỷ lệ chia cổ tức		12	9,6	
10	Thuế phải nộp NSNN	Tr.đ		150.000	
II	Lao động, tiền lương				
1	Lao động		449	460	
a	- Viên chức quản lý Công ty chuyên trách được nhà nước giao quản lý phần vốn chi phối	Người	3	3	
b	- Người lao động	Người	446	457	
	Trong đó:				
	+ Người quản lý Công ty nhưng không phải là người được nhà nước giao quản lý phần vốn chi phối	Người	4	4	
	+ Người lao động còn lại tại các bộ phận	Người	442	453	
2	Tổng quỹ tiền lương	Tr.đ	107.652	71.296	

STT	CHỈ TIÊU CƠ BẢN	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2017	KẾ HOẠCH NĂM 2018	KẾ HOẠCH 2018 SO VỚI TH 2017
a	Quỹ lương người lao động có người quản lý Công ty nhưng không là người được nhà nước giao quản lý phần vốn chi phối	Tr.đ	104.955	70.000	
b	Quỹ lương Viên chức quản lý Công ty chuyên trách được nhà nước giao quản lý phần vốn chi phối	Tr.đ	2.657	1.296	
III	Vốn chủ sở hữu				
1	Vốn chủ sở hữu đầu năm	Tr.đ	386.000	409.517	
2	Tăng vốn trong năm	Tr.đ	23.517	11.520	
	- Tỉ trích quỹ đầu tư phát triển	Tr.đ	23.517	11.520	
3	Giảm vốn trong năm	Tr.đ			
4	Vốn chủ sở hữu cuối năm	Tr.đ	409.517	421.037	

4/ Kế hoạch đầu tư trang thiết bị:

STT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (Tr.đ)	TỔNG GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ (Tr.đ)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
01	Xe ô tô tải tự đổ hiệu Kamaz, 7,1 tấn	Chiếc	2	850	1.900	Phục vụ cho hoạt động mua bán VLXD
02	Thiết bị PDA	Cái	1	2.000	2.000	Phục vụ cho hoạt động thử nghiệm.
03	Sà lan và Cẩu cầu khai thác cát 60 đến 250 tấn, hiệu American và các loại khác tương đương	Bộ	6	8.000	48.000	Đầu tư thay thế loại năng suất thấp và bổ sung thêm trang thiết bị
04	Cải tiến Xăng guồng	Chiếc	2	600	1.200	Cải tiến chủ yếu hệ thống truyền động
05	Máy nổ hiệu Mitsubishi 8DC 11, 10DC 11, 10M21 hoặc các hiệu khác từ 350 đến 600 mã lực	Cái	15	800	12.000	Thay thế máy chính cho các phương tiện hoạt động khai thác cát và dự phòng.
06	Xe cẩu thùng trọng tải từ 12 – 15 tấn	Chiếc	1	1.800	1.800	Phục vụ SXKD bê tông
07	Xe bồn vận chuyển bê tông, loại bồn 7-8 m ³	Chiếc	1	3.000	3.000	Phục vụ SXKD bê tông

STT	DANH MỤC ĐẦU TƯ	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (Tr.đ)	TỔNG GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ (Tr.đ)	Ghi chú
08	Máy tiện loại lớn	Bộ	1	800	800	Phục vụ hoạt động cơ khí sửa chữa
09	Máy tôi cao hoặc trung tần	Bộ	1	350	350	Phục vụ hoạt động cơ khí sửa chữa
10	Búa máy diezen >3,5T	Chiếc	1	300	300	Phục vụ hoạt động xây dựng công trình
Tổng cộng					71.350	

Trên cơ sở dự kiến kế hoạch đầu tư này, Công ty sẽ tính toán để thực hiện đầu tư phát triển trong năm cho phù hợp.

5/ Kế hoạch triển khai đầu tư các dự án:

STT	TÊN DỰ ÁN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ	ĐVT	TỔNG GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ	Ghi chú
1	2	3	6	7
1	Dự án Tuyển dân cư đường Nguyễn Văn Tre - Ấp 4, xã Mỹ Trà, TPCL, Đồng Tháp	Tỷ.đ		
	Nguồn vốn đầu tư		160	
	- Vốn chủ sở hữu		112	
	- Huy động khác		48	
2	Dự án Tuyển dân cư Mương Nhà Máy - phường An Thạnh, TX.Hồng Ngự, Đồng Tháp			
	Nguồn vốn đầu tư	Tỷ.d	120,9	
	- Vốn chủ sở hữu		84,6	
	- Huy động khác		36,3	
3	Dự án Nhà ở xã hội BMC Đồng Tháp			
	Nguồn vốn đầu tư	Tỷ.d	245	
	- Vốn chủ sở hữu		171,5	
	- Huy động khác		73,5	
4	Dự án 12 căn biệt thự - Phường An Thạnh - TX Hồng Ngự			
	Nguồn vốn đầu tư	Tỷ.d	35	
	- Vốn chủ sở hữu		35	
	- Huy động khác			
5	Dự án Khu công nghiệp Tân Kiều			
	Nguồn vốn đầu tư	Tỷ.đ	1.266	
	- Nguồn vốn Chính phủ		90	
	- Nguồn vốn của Tỉnh		386	

STT	TÊN DỰ ÁN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ	ĐVT	TỔNG GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ	Ghi chú
	- Quỹ đầu tư phát triển và vốn huy động khác		790	
6	Dự án Cụm công nghiệp Tân Lập	Ty.đ		
	Nguồn vốn đầu tư		315,9	
	- Nguồn vốn Chính phủ		27,4	
	- Nguồn vốn của Tỉnh		164,6	
	- Quỹ đầu tư phát triển và vốn huy động khác		123,9	
	Tổng cộng		2.142,8	

5/ Giải pháp thực hiện:

Năm 2018 sẽ là năm còn gặp phải nhiều khó khăn, thách thức cho Công ty trong tình hình kinh tế thị trường có nhiều biến động như hiện nay. Vì vậy, ngoài việc tiếp tục khai thác những thuận lợi đã có được thì Công ty chúng ta cần phải phòng ngừa mọi rủi ro một cách cao nhất và biết nắm bắt những cơ hội một cách tốt nhất, muốn được như thế Công ty chúng ta phải thực hiện tốt các giải pháp sau đây:

- Tiếp tục duy trì thực hiện tốt các Quy định Pháp luật, chủ trương chính sách của Chính phủ và của Tỉnh về mọi mặt có liên quan.

- Công tác tổ chức sản xuất cần liên tục cải tiến nhằm nâng cao năng suất, nghiên cứu áp dụng khoa học công nghệ trong sản xuất; chú trọng công tác sửa chữa, bảo dưỡng và đầu tư một cách hợp lý vào cơ sở hạ tầng, phương tiện, thiết bị để nâng cao chất lượng dịch vụ.

- Tập trung nghiên cứu và phát triển các mặt hàng kinh doanh khác trong từng lĩnh vực hoạt động nhằm đáp ứng tốt hơn cho nhu cầu thị trường. Nắm bắt thông tin kịp thời, lắng nghe ý kiến khách hàng. Luôn quan tâm tháo gỡ khó khăn trong sản xuất kinh doanh, tiếp tục đẩy mạnh phát triển hơn nữa các mặt hàng đang có lợi thế như: cát xây dựng, bê tông tươi, bê tông nhựa nóng, bất động sản...

- Khắc phục triệt để những bất cập đang gặp phải trong cạnh tranh như: Cạnh tranh đấu thầu thi công XD/CB; tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm; thẩm định chất lượng công trình; vận tải và dịch vụ kinh doanh khác. Bên cạnh đó, tập trung chỉ đạo giải quyết triệt để những khó khăn do nhiều yếu tố gây ra mà còn chưa hoàn thiện. Cần đổi hợp lý trong đầu tư đổi mới trang thiết bị. Hoàn chỉnh lại định mức kinh tế kỹ thuật và cơ cấu giá thành chi tiết cho từng lĩnh vực hoạt động SXKD.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và giám sát các công trình, dự án đầu tư, đảm bảo tuân thủ đúng Quy định.

- Khuyến khích người lao động đang công tác tại các bộ phận chủ động hơn trong công việc được giao và tăng cường nâng cao sáng kiến cải tiến để giúp Công ty hoàn thiện hơn về mọi mặt. Nghiên cứu sắp xếp lại tổ chức sản xuất, cơ cấu tổ chức nhân

sự quản lý và điều hành, lực lượng cán bộ và người lao động sao cho phù hợp nhất. Xây dựng kế hoạch đào tạo và đào tạo lại, bồi dưỡng cán bộ quản lý, kỹ thuật nhằm thay đổi nhận thức và tầm nhìn, nâng cao tính chuyên nghiệp cho người lao động.

- Khuyến khích, động viên và khen thưởng kịp thời những cá nhân hay tập thể cho thành tích. Tiếp tục duy trì tốt việc chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, thực hiện tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng sao cho người lao động ngày càng hiểu rõ hơn về quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ của mình để an tâm công tác và cống hiến.

- Thực hiện tốt công tác giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường tại các bộ phận, tạo niềm tin với chính quyền và nhân dân nơi hoạt động. Tiếp tục duy trì tốt công tác an sinh xã hội với tinh thần tự nguyện cao nhất.

* Trên đây là nội dung báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2017, xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2018 của Công ty cổ phần Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp xin thông qua đại hội đồng cổ đông.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY**



Nguyễn Hữu Phước

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

Kính thưa Đại hội đồng cổ đông!

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty Cổ phần Xây Lập và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp, Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông các hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2017 (từ ngày 11/11/2016 đến ngày 31/12/2017):

A. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA GIÁM SÁT NĂM 2017:

I/ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:

1/ Về nhân sự, thù lao và chi phí hoạt động:

Nhân sự của Ban kiểm soát gồm 3 thành viên:

- Ông Võ Đình Quốc Huy - Trưởng ban
- Ông Đặng Thanh Hồng - Thành viên
- Bà Nguyễn Thị Thanh An - Thành viên

Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được thực hiện trong hạn mức đúng quy định tại Nghị quyết và Điều lệ Công ty, đảm bảo tính hiệu quả trong công tác kiểm tra, giám sát.

2/ Về hoạt động của Ban kiểm soát:

Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty. Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc. Tham gia làm việc với Ban giám đốc về kế hoạch kinh doanh năm và báo cáo tình hình thực hiện. Xem xét các báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Công ty. Xem xét báo cáo của tổ chức kiểm toán. Trong năm Ban kiểm soát đã thực hiện

được tất cả là 3 cuộc họp, chủ yếu là phân công nhiệm vụ của các thành viên và trao đổi về các nội dung công việc giám sát, việc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT.

3/ Về sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc:

Ban kiểm soát nhận thấy các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc luôn tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ mà cổ đông giao cho. Trong năm 2017 Ban kiểm soát đã cùng tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc để thực hiện việc giám sát và có ý kiến trực tiếp với các vấn đề thuộc quyền hạn của Ban kiểm soát.

II/ KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

Hội đồng quản trị và Ban tổng giám đốc đã tuân thủ các qui định của Pháp luật trong công tác quản lý. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các văn bộ quản lý đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo qui định của luật doanh nghiệp, điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Các quyết định của Ban Tổng giám đốc đều được ban hành một cách hợp pháp, đúng thẩm quyền và kịp thời. Các quyết định vượt thẩm quyền của Ban Tổng giám đốc đều được ban hành sau khi Ban Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị phê duyệt bằng nghị quyết. Công ty rất chú trọng xây dựng kế hoạch dòng tiền nhằm sử dụng đồng vốn có hiệu quả nhất cũng như tập trung thu hồi công nợ đặc biệt xử lý nợ xấu tồn đọng nhằm cải thiện dòng tiền chung.

Công ty đã chấp hành các quy định của pháp luật, sơ giao dịch chứng khoán về thông tin đối với Công ty cổ phần đại chúng. Dựa trên kết quả kiểm tra, giám sát Ban kiểm soát nhất trí với các nội dung trong báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành năm 2017 của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.

III/ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017:

Ban kiểm soát thực hiện định kỳ rà soát thông tin, số liệu trên các báo cáo tài chính, ban kiểm soát đánh giá:

+ Các chỉ số cơ bản về tình hình công nợ, vốn vay, tình thanh khoản, hiệu quả sử dụng tài sản, trích lập dự phòng, vốn chủ sở hữu đều đạt; Kết quả doanh thu, lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tốt.

Cụ thể một số chỉ tiêu (thông tin từ BCTC) đã được kiểm toán):

Thông tin tài chính hợp nhất năm 2017 của BMC.

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu:	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 11/11/2016	ghi chú
Tài sản ngắn hạn	469.723.588.055	416.436.048.027	
Tài sản dài hạn	330.993.493.745	166.177.581.818	
Tổng tài sản	800.717.081.800	582.613.629.845	
Nợ ngắn hạn	226.324.936.333	139.926.732.462	
Nợ dài hạn	97.246.089.259	43.486.796.129	
Vốn chủ sở hữu	477.146.056.208	399.200.101.254	
Tổng nguồn vốn	800.717.081.800	582.613.629.845	

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2017 của BMC

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016	
Doanh thu và thu nhập khác	584.908.258.631	338.673.493.849	
Giá vốn và chi phí	478.150.609.152	301.541.870.675	
Lợi nhuận trước thuế	106.757.649.479	37.131.623.174	
Lợi nhuận sau thuế	84.968.931.015	29.473.991.169	

Báo cáo tài chính (BCTC) riêng và BCTC hợp nhất năm 2017 đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng và hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng, hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng, hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày; Các BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2017 đã được trình bày rõ

ràng các thông tin về các sự kiện trong năm tài chính 2017 theo đúng chuẩn mực Kế toán và chế độ kế toán Việt Nam. BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam và không có ý kiến ngoại trừ của kiểm toán.

Thẩm định báo cáo của Hội đồng Quản trị:

Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị đã phản ánh đầy đủ, trung thực các hoạt động cũng như chỉ đạo điều hành hoạt động của Công ty, các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

Thẩm định báo cáo của Ban Tổng Giám đốc:

Báo cáo của Ban Tổng giám đốc đã phản ánh đầy đủ, trung thực và hợp lý kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2017. Tổng giám đốc Công ty cùng với Ban điều hành đã có nhiều nỗ lực điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, giúp Công ty duy trì lợi nhuận đạt mức cao, đảm bảo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ:

1. Kết luận:

Trong năm 2017, Ban kiểm soát chưa phát hiện sự bất thường nào trong các hoạt động của Công ty, không có đề nghị nào của cổ đông, người lao động nào gửi đến Ban kiểm soát. Các hoạt động của Công ty trong năm 2017 đều tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ cũng như các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Nghị quyết của cổ đông.

2. Kiến nghị:

Kiến nghị Công ty tiếp tục củng cố, đào tạo, hoàn thiện bộ máy nhân sự có chuyên môn, trình độ cao để đáp ứng kịp thời với sự phát triển của Công ty.

B. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018 CỦA BAN KIỂM SOÁT:

Nhằm thực hiện tốt các mục tiêu năm 2018, Ban kiểm soát phấn đấu thực hiện tốt các chức năng nhiệm vụ mà Điều lệ Công ty quy định:

- Ban kiểm soát sẽ tiếp tục thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo các quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Duy trì chế độ hội


hợp, làm việc và thông tin thường xuyên trong Ban kiểm soát, phối hợp thường xuyên với Hội đồng quản trị và Ban tổng giám đốc nhằm nâng cao hiệu quả công việc.

- Chú trọng kiểm tra tình hình sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, soát xét Báo cáo tài chính hàng quý, báo cáo hàng năm. Đảm bảo đại diện Ban kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị để nắm bắt tình hình quản trị và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, ban điều hành và cổ đông trên tinh thần hợp tác để mang lại hiệu quả cao nhất. Nắm bắt các cơ chế, chính sách ban hành nhằm kiến nghị sửa đổi bổ sung những vấn đề còn chưa phù hợp, giảm thiểu những rủi ro trong việc điều hành, quản lý hoạt động kinh doanh của Công ty. Thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần xây lắp và VLXD Đồng Tháp. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

T/M. Ban Kiểm soát

Trưởng ban



Võ Đình Quốc Huy

Số: 28/TT-HĐQT

Đồng Tháp, ngày 27 tháng 04 năm 2018

TỜ TRÌNH

*"V/v thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh
và phân phối lợi nhuận năm 2018 của Công ty Cổ phần Xây lập và VLXD Đồng Tháp"*

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Xây Lập và VLXD Đồng Tháp**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây lập và VLXD Đồng Tháp đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Căn cứ Phương án sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa từ năm 2016 - 2018;

- Trên cơ sở nhận định tình hình thực tế về nhu cầu thị trường và đánh giá khả năng thực hiện của đơn vị trong thời gian tới.

Nay, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua các nội dung như sau:

1- Về Kế hoạch SXKD và phân phối lợi nhuận năm 2018: (đính kèm Kế hoạch SXKD năm 2018)

STT	CHỈ TIÊU CƠ BẢN	ĐVT	GIÁ TRỊ
1	2	3	4
I	Kế hoạch SXKD năm 2018		
1	Tổng doanh thu	Đồng	600.000.000.000
2	Tổng chi phí	Đồng	528.000.000.000
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Đồng	72.000.000.000
4	Thuế TNDN (20%)	Đồng	14.400.000.000
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Đồng	57.600.000.000
6	Vốn Điều lệ đăng ký	Đồng	386.000.000.000
7	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế TNDN/Vốn Điều lệ	%	18,65
8	Tỷ lệ chia cổ tức/Vốn Điều lệ	%	9,65
9	Quỹ lương người quản lý Công ty chuyên trách được nhà nước giao quản lý phần vốn chi phối.		1.296.000.000
10	Đơn giá tiền lương người lao động	%	49,30

11	Quỹ lương người lao động, cổ người quản lý Công ty nhưng không là người được nhà nước giao quản lý phần vốn chi phối * CP chưa lương: $528.000.000.000 - 70.000.000.000 = 458.000.000.000$ * LN chưa lương: $600.000.000.000 - 458.000.000.000 = 142.000.000.000$ * QL: $142.000.000.000 \times 49,30\% = 70.000.000.000$	Đồng	70.000.000.000
II	Kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN	Đồng	57.600.000.000
1	Trích Quỹ đầu tư phát triển (20%/Lợi nhuận sau thuế TNDN)	Đồng	11.520.000.000
2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động (15%/Lợi nhuận sau thuế TNDN)	Đồng	8.640.000.000
3	Trích Quỹ khen thưởng Viên chức quản lý (Tính bằng 1,5 tháng lương/tổng quỹ lương người quản lý chuyên trách được nhà nước giao quản lý phần vốn chi phối, tương đương 0,28%/Lợi nhuận sau thuế TNDN)	Đồng	162.000.000
4	Thù lao Người phụ trách quản trị Công ty (2.000.000 đ/tháng, tương đương 0,04%/Lợi nhuận sau thuế TNDN)	Đồng	24.000.000
5	Chia cổ tức 64,68%/Lợi nhuận sau thuế TNDN (tương đương 9,65%/VĐL. VĐL làm cơ sở để chia cổ tức không tính cổ phiếu quỹ = 38.600.000 cp - 4.600 cp là cổ phiếu quỹ = 38.595.400 cp	Đồng	37.254.000.000

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

**TM/HĐQT CÔNG TY CỔ PHẦN XL VÀ VLXD-ĐT
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Châu Thành

Số: 27/TT-HĐQT

Đồng Tháp, ngày 27 tháng 04 năm 2018

TỜ TRÌNH

"V/v thông qua nội dung phân phối lợi nhuận năm 2017
của Công ty Cổ phần Xây lập và VLXD Đồng Tháp"

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Công ty Cổ phần Xây Lập và VLXD Đồng Tháp

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây lập và VLXD Đồng Tháp;

- Căn cứ Kế hoạch SXKD năm 2017 đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 28/10/2016 và Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán do Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM thực hiện.

Nay, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua nội dung phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2017 như sau:

1- Vốn Điều lệ : 386.000.000.000 đồng. Trong đó:

- Vốn Điều lệ được chia cổ tức : **385.954.000.000 đồng**

- Cổ phiếu quỹ của Công ty : 46.000.000 đồng

2- Chi tiết phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN : **82.498.041.253 đồng**

- Chia cổ tức : 46.314.480.000 đồng

(bằng 12% trên vốn Điều lệ được chia cổ tức, tương đương 56,14% trên lợi nhuận sau thuế TNDN)

- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người LĐ: 12.374.706.188 đồng
(15% trên lợi nhuận sau thuế TNDN)

- Trích lập quỹ khen thưởng cho Viên chức quản lý : 291.600.000 đồng
(1,5 tháng lương trên tổng quỹ tiền lương của Viên chức quản lý, tương đương 0,35% trên lợi nhuận sau thuế TNDN)

- Trích lập quỹ Đầu tư phát triển : 23.517.255.065 đồng
(bằng 20% trên lợi nhuận sau thuế TNDN + phần bổ sung 8,5% trên lợi nhuận sau thuế TNDN để tăng vốn phục vụ kinh doanh)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TM/HĐQT CÔNG TY CỔ PHẦN XL VÀ VLXD-ĐT
CHỦ TỊCH



Nguyễn Châu Thành

Số: 29/TT-HĐQT

Đồng Tháp, ngày 27 tháng 04 năm 2018

TỜ TRÌNH

*"V/v thông qua dự thảo Điều lệ Tổ chức và hoạt động
của Công ty Cổ phần Xây lập và VLXD Đồng Tháp"*

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Xây Lập và VLXD Đồng Tháp**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ, hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng; Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị Định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017. Trong đó, có hướng dẫn thực hiện Điều lệ mẫu áp dụng cho các Công ty đại chúng.

Nhằm đảm bảo cơ sở Pháp lý cho Công ty hoạt động. Nay, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua nội dung như sau:

1- Xem xét thông qua Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây lập và VLXD Đồng Tháp. Điều lệ gồm 22 Chương, 61 Điều. (đính kèm dự thảo Điều lệ).

2- Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung nội dung Điều lệ cho phù hợp với Quy định Pháp luật theo từng thời điểm và đăng ký bản Điều lệ này tại cơ quan quản lý Nhà nước theo Quy định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

**TM/HĐQT CÔNG TY CỔ PHẦN XL VÀ VLXD-ĐT
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Châu Thành

Số: 30/TT-HĐQT

Đồng Tháp, ngày 27 tháng 04 năm 2018

TỜ TRÌNH

*"V/v thông qua dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị
của Công ty Cổ phần Xây lắp và VLXD Đồng Tháp"*

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Xây Lắp và VLXD Đồng Tháp**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006; Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 70/2006/QH11;

- Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ, hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng; Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị Định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017;

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây lắp và VLXD Đồng Tháp.

Nhằm đảm bảo nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty Cổ phần Xây lắp và VLXD Đồng Tháp, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về đánh giá việc thực hiện, hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý của Công ty.

Nay, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua nội dung dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty Cổ phần Xây lắp và VLXD Đồng Tháp. Quy chế gồm 12 Chương, 66 Điều. (đính kèm dự thảo Quy chế).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

**TM/HĐQT CÔNG TY CỔ PHẦN XL VÀ VLXD-ĐT
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Châu Thành

Số: XL/TT-HĐQT

Đồng Tháp, ngày 27 tháng 04 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018"

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Xây Lập và VLXD Đồng Tháp**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây lập và VLXD Đồng Tháp;

- Ghi nhận Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam là đơn vị hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, đã thực hiện tốt công tác kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty đúng theo Quy định Pháp luật, giúp Công ty nâng cao tính chuyên nghiệp trong công tác quản lý điều hành và nâng cao tính công khai minh bạch trong hoạt động SXKD.

Để thuận lợi hơn trong việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2018. Nay, kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam được tiếp tục cung cấp dịch vụ kiểm toán cho Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

**TM/HĐQT CÔNG TY CỔ PHẦN XL VÀ VLXD-ĐT
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Châu Thành

Số: 32/TT-HĐQT

Đồng Tháp, ngày 27 tháng 04 năm 2018

TỜ TRÌNH

"V/v Thông qua thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát và Người phụ trách quản trị Công ty"

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Công ty Cổ phần Xây Lập và VLXD Đồng Tháp

- Căn cứ Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ, quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà Nước và Thông tư hướng dẫn số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao Động Thương Binh Xã Hội;

- Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ, hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Thông tư hướng dẫn số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài Chính;

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây lập và VLXD Đồng Tháp;

- Căn cứ vào kết quả thực hiện năm 2017 và Kế hoạch SXKD năm 2018 của Công ty Cổ phần Xây lập và VLXD Đồng Tháp.

Nay, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua mức thù lao cho các chức danh như sau:

1. Thành viên Hội đồng Quản trị :

- Chủ tịch HĐQT : Hưởng lương chuyên trách, không hưởng thù lao.

- Thành viên HĐQT : Hưởng lương chuyên trách, không hưởng thù lao.

2. Người phụ trách quản trị Công ty: Hưởng thù lao: 24.000.000 đồng/năm.

3. Thành viên Ban Kiểm Soát:

- Trưởng Ban Kiểm Soát: Hưởng lương chuyên trách, không hưởng thù lao.

- Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách 02 (hai) người: Hưởng thù lao: 24.000.000 đồng/năm.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TM/HĐQT CÔNG TY CỔ PHẦN XL VÀ VLXD-ĐT
CHỦ TỊCH



Nguyễn Châu Thành

Số: 31/TT-HĐQT

Đồng Tháp, ngày 27 tháng 04 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v thoái vốn Nhà nước và không thực hiện
chào mua công khai của nhà đầu tư mua phần vốn Nhà Nước"

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Xây Lập và VLXD Đồng Tháp**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH 11 ngày 29/06/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24/11/2010;
- Căn cứ Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp;
- Căn cứ Văn bản số 583/UBND-KTTH ngày 09/10/2017 của UBND tỉnh Đồng Tháp về việc thoái vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp.

Nay, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Phương án thoái vốn Nhà nước tại Công ty như sau:

1- Cổ đông Nhà nước - UBND tỉnh Đồng Tháp sẽ thoái 21.803.900 cổ phần tương đương 56,49% Vốn Điều lệ tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp.

2- Đồng ý cho **bất kỳ Nhà đầu tư** nào khi thực hiện mua lại một phần hoặc toàn bộ số cổ phần Nhà Nước thoái vốn sẽ **không phải thực hiện các thủ tục chào mua công khai** theo quy định tại Điểm b, Mục 2, Khoản 11, Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung về việc sửa đổi Điều 32 Luật Chứng khoán: "Nhận chuyển nhượng cổ phiếu có quyền biểu quyết, chứng chỉ quỹ dẫn đến việc sở hữu từ 25% trở lên cổ phiếu có quyền biểu quyết, chứng chỉ quỹ của một Công ty đại chúng, quỹ đóng đã được Đại hội đồng Cổ đông Công ty đại chúng, Ban đại diện quỹ đóng thông qua".

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TM/HĐQT CÔNG TY CỔ PHẦN XL VÀ VLXD-ĐT
CHỦ TỊCH



Nguyễn Châu Thành

DỰ THẢO

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VLXD ĐỒNG THÁP
*(Ban hành kèm theo Nghị Quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông số
ngày / /2018)*

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VLXD ĐỒNG THÁP
(Ban hành kèm theo Nghị Quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông số
ngày / /2018)

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh.

Điều 2: Giải thích thuật ngữ.

**CHƯƠNG II: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.**

Điều 3: Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 4: Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông.

Điều 5: Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông.

Điều 6: Cách thức bỏ phiếu biểu quyết trong Đại hội đồng cổ đông.

Điều 7: Cách thức kiểm phiếu.

Điều 8: Thông báo kết quả kiểm phiếu.

Điều 9: Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11: Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12: Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13: Công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 14: Thẩm quyền về thể thức lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG III: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15: Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 16: Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 17: Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 18: Các trường hợp bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 19: Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG IV: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20: Thông báo họp Hội đồng quản trị.

Điều 21: Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị.

Điều 22: Cách thức biểu quyết.

Điều 23: Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Điều 24: Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị.

Điều 25: Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG V: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 26: Tiêu chuẩn Kiểm soát viên.

Điều 27: Quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên.

Điều 28: Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên.

Điều 29: Cách thức bầu Kiểm soát viên.

Điều 30: Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.

Điều 31: Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.

CHƯƠNG VI: CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 32: Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

Điều 33: Nguyên tắc hoạt động của các tiểu ban.

CHƯƠNG VII: LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 34: Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp

Điều 35: Trình tự thủ tục bổ nhiệm Tổng giám đốc.

Điều 36: Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp khác.

Điều 37: Thời hạn (nhiệm kỳ) giữ chức vụ của các chức danh người điều hành doanh nghiệp.

Điều 38: Bổ nhiệm lại chức vụ của người điều hành doanh nghiệp.

Điều 39: Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp.

Điều 40: Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp.

Điều 41: Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp.

CHƯƠNG VIII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 42: Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban kiểm soát.

Điều 43: Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.

Điều 44: Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Điều 45: Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc.

Điều 46: Phối hợp hoạt động giữa Tổng giám đốc và Ban kiểm soát.

Điều 47: Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban kiểm soát.

Điều 48: Việc tiếp cận thông tin.

CHƯƠNG IX: QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC.

Điều 49: Phương thức đánh giá hoạt động.

Điều 50: Tiêu chí đánh giá.

Điều 51: Khen thưởng, kỷ luật.

Điều 52: Đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 53: Đối với Thành viên Ban kiểm soát.

Điều 54: Đối với Tổng giám đốc.

Điều 55: Đối với cán bộ quản lý khác.

Điều 56: Trách nhiệm về thiệt hại.

CHƯƠNG X: NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 57: Tiêu chuẩn của người phụ trách quản trị công ty.

Điều 58: Quyền và nghĩa vụ của người phụ trách quản trị công ty.

Điều 59: Việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty.

Điều 60: Các trường hợp miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty.

Điều 61: Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty.

CHƯƠNG XI: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 62: Trách nhiệm cản trở.

Điều 63: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.

Điều 64: Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.

CHƯƠNG XII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 65: Điều khoản thi hành

Điều 66: Hiệu lực.

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1 : Ý nghĩa và Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp được xây dựng theo qui định của:

- a. Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014.
- b. Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006.
- c. Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 70/2006/QH11.
- d. Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng.
- đ. Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng.

e. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp.

2. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý của công ty.

3. Quy chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị công ty của Công ty.

Điều 2 : Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau :

b. “Công ty”: là Công ty Cổ phần Xây Lắp và VLXD Đồng Tháp.

b. “Quản trị công ty”: là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty.

c. “Điều lệ”: là Điều lệ được Đại hội đồng Cổ đông Công ty thông qua ở từng thời điểm.

d. “Cổ đông”: là những cá nhân, tổ chức sở hữu cổ phiếu của Công ty.

đ. “Đại hội đồng Cổ đông” hoặc “Đại hội”: là Đại hội đồng Cổ đông Công ty.

e. “Người có liên quan”: là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 34, Điều 6 của Luật Chứng khoán, cụ thể như sau :

- Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của cá nhân;

- Tổ chức mà trong đó có cá nhân là nhân viên, Tổng giám đốc, chủ sở hữu trên mười phần trăm (10%) số cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết;

- Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác của tổ chức đó;

- Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát;

- Công ty mẹ, công ty con;

- Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia.

f. "Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành": là thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại khoản 6, Điều 2 Nghị định 71/2017/NĐ-CP; không phải là Tổng giám đốc, phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

g. "Thành viên độc lập Hội đồng quản trị": là thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại khoản 7, Điều 2 Nghị định 71/2017/NĐ-CP, đáp ứng các điều kiện theo khoản 2 Điều 151 Luật doanh nghiệp như sau :

- Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty, không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong ba (03) năm liền trước đó.

- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoảng phụ cấp mà thành viên Hội Đồng Quản Trị được hưởng theo quy định.

- Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty, là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty.

- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty.

- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong năm (05) năm liền trước đó.

h. "Người điều hành doanh nghiệp": là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm.

i. "Ban điều hành": là Tổng giám đốc (hoặc Tổng giám đốc điều hành), Phó Tổng giám đốc (hoặc Phó Tổng giám đốc điều hành).

2. Trong quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

CHƯƠNG II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3: Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật chứng khoán áp dụng cho các công ty niêm yết.

Điều 4: Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông.

Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

1. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp.
2. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên.
3. Phiếu biểu quyết.
4. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.

Điều 5: Cách thức đăng ký và tham dự Đại hội đồng cổ đông.

Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

Điều 6: Cách thức bỏ phiếu biểu quyết trong Đại hội đồng cổ đông.

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản

đổi để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

2. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dùng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 7: Cách thức kiểm phiếu.

Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp, hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm.
- b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty.
- c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.

2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp đó là: Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát, và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có 2 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát, thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỹ

gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

5. Các vấn đề được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản cổ đông.

Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.

Điều 8: Thông báo kết quả kiểm phiếu.

Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến đối với từng vấn đề.

Điều 9: Cách thức phân đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

1. Cổ đông biểu quyết phân đối phân đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 10: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội cổ đông.

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 136 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Ngoài ra phải đảm bảo có các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 158 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc.

4. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác.

5. Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 11: Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm d5 điểm đ khoản 2 Điều 136 Luật doanh nghiệp, ngoài ra phải đảm bảo các nội dung sau:

1. Thủ lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng kiểm soát viên theo quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp và điều lệ công ty.

2. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát.

3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính công ty.

4. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác.

5. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

Điều 12: Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.

c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp.

d. Họ, tên chủ tọa và thư ký.

d. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp.

e. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng.

f. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành

và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

g. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng.

h. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 13: Công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định của pháp luật chứng khoán.

Điều 14: Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ công ty.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.

b. Mục đích lấy ý kiến.

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông.

c. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

d. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

đ. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

e. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

c. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết.

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết.

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề.

đ. Các vấn đề đã được thông qua.

e. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu, liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG III

ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15: Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị.

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác.

c. Thành viên HĐQT công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác.

d. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra phải đảm bảo các trách nhiệm sau:

a. Thực hiện nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và công ty.

b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.

c. Báo cáo kịp thời đầy đủ Hội đồng quản trị các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là đại diện phần vốn góp của công ty.

d. Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước, Sở giao dịch Chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 16: Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị.

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% trở lên được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu, ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu gồm:

a. Họ, tên, ngày, tháng, năm sinh.

b. Trình độ chuyên môn.

c. Quá trình công tác.

d. Các thông tin khác theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng viên, hoặc tổ chức theo quy định của Điều lệ công ty. Việc Hội đồng quản trị giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh.

b. Trình độ học vấn.

c. Trình độ chuyên môn.

d. Quá trình công tác.

đ. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác.

e. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty.

f. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có).

g. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có).

h. Các thông tin khác (nếu có).

Điều 17: Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị.

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị, và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

2. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Trường hợp có 2 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị, thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 18: Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

1. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị.

2. Thành viên Hội đồng quản trị gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống.

5. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.

6. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

7. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

8. Thành viên Hội đồng quản trị cố tình cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín, hình ảnh và lợi ích của Công ty.

Điều 19: Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được thực hiện theo Điều lệ công ty.

CHƯƠNG IV

TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20: Thông báo họp Hội đồng quản trị.

1. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng

quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

2. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

Điều 21: Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị.

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị.

2. Hội đồng quản trị họp thường kỳ mỗi quý ít nhất một (01) lần của tháng đầu quý hoặc họp bất thường theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 30 của Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể mời các cá nhân khác tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị. Những người được mời có thể phát biểu ý kiến khi được chủ tọa yêu cầu, nhưng không được biểu quyết.

4. Người triệu tập cuộc họp Hội đồng Quản trị có trách nhiệm chỉ đạo Thư ký Công ty chuẩn bị tài liệu họp và chuyển tài liệu cho từng thành viên Hội đồng Quản trị và đại biểu được mời họp.

5. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư ($\frac{3}{4}$) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp không đủ số lượng thành viên dự họp thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một phần hai ($\frac{1}{2}$) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

6. Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ cuộc họp, thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 22: Cách thức biểu quyết.

1. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30 Điều lệ công ty, mỗi thành viên Hội đồng quản trị (hoặc người được ủy quyền) trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết.

2. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức

cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

3. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30 Điều lệ Công ty, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ.

4. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

5. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 23: Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 24: Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị.

1. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị đều phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có các nội dung chủ yếu sau:

- a. Tên, trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
- b. Mục đích, chương trình và nội dung họp.
- c. Thời gian, địa điểm họp.
- d. Họ và tên từng thành viên họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ và tên các thành viên không dự họp, lý do.
- đ. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp
- e. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp.
- g. Kết quả biểu quyết, trong đó ghi rõ những thành viên đồng ý, những thành viên phản đối và những thành viên không có ý kiến.
- h. Các vấn đề đã được thông qua.
- i. Chữ ký của tất cả các thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp.

k. Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 25: Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị.

Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ công ty và cho các cơ quan hữu quan (nếu được yêu cầu), hoặc trên trang website của công ty theo trình tự và quy định của pháp luật doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, Điều lệ của Công ty.

CHƯƠNG V

ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÀI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 26: Tiêu chuẩn của Kiểm soát viên.

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty cụ thể như sau:

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp.

b. Không phải là người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác.

c. Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý Công ty. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

d. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Không được làm kiểm soát viên thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty.

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

4. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát.

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát.

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

5. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp.

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

c. Có đơn từ chức và được chấp thuận.

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

6. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công.

b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 27: Quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên.

1. Kiểm soát viên có các quyền theo quy định tại Điều 165 của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trong đó Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của kiểm soát viên.

2. Kiểm soát viên có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ của công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Điều 28: Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên.

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ công ty.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế này. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 29: Cách thức bầu kiểm soát viên.

Việc bầu quyết bầu BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 30: Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm kiểm soát viên.

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp.

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục mà không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát.

c. Có đơn từ chức và được chấp thuận.

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công.

b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 31: Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.

Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên phải được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật chứng khoán.

CHƯƠNG VI

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 32: Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng

quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 33: Nguyên tắc hoạt động của các tiểu ban

Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VII

LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 34: Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp.

1. Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước HĐQT và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

2. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

Điều 35: Trình tự, thủ tục bổ nhiệm Tổng giám đốc.

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc, ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị,

bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất.

c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty.

đ. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định.

e. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ.

f. Chậm nhất vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm.

g. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.

h. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 36: Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp khác

Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định.

Điều 37: Thời hạn (nhiệm kỳ) giữ chức vụ của các chức danh người điều hành doanh nghiệp.

Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng trong Công ty là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm.

Điều 38. Bổ nhiệm lại chức vụ củangười điều hành doanh nghiệp.

1. Khi kết thúc thời hạn giữ chức vụ, thì Hội đồng quản trị phải xem xét bổ nhiệm lại hoặc không bổ nhiệm lại. Hội đồng quản trị quyết định trước khi cán bộ kết thúc nhiệm kỳ ít nhất một (01) tháng.

2. Điều kiện để bổ nhiệm lại

- a. Hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao trong thời gian giữ chức vụ.
- b. Phẩm chất đạo đức tốt.
- c. Không vi phạm pháp luật, chế độ, chính sách Nhà nước và quy định của Công ty.
- d. Có đủ sức khoẻ để hoàn thành nhiệm vụ.
- e. Được cán bộ, công nhân lao động trong đơn vị tín nhiệm.

3. Hồ sơ trình Công ty bổ nhiệm lại như là hồ sơ bổ nhiệm lần đầu

Điều 39: Quy định về ký hợp đồng lao động đối với người điều hành doanh nghiệp.

1. Sau khi có quyết định bổ nhiệm cán bộ quản lý Công ty, Tổng Giám Đốc ký hợp đồng lao động (hoặc phụ lục hợp đồng lao động) cho cán bộ quản lý.

2. Nội dung hợp đồng lao động phải ghi rõ nguyên tắc trả thù lao, mức thu nhập, các quyền lợi được hưởng, trách nhiệm và quyền hạn. Nội dung của hợp đồng lao động phải tuân thủ các quy định của pháp luật lao động.

Điều 40: Các trường hợp miễn nhiệm, từ chức đối với người điều hành doanh nghiệp.

Người điều hành doanh nghiệp bị miễn nhiệm trong các trường hợp theo quy định tại Điều lệ Công ty và hợp đồng lao động đã ký kết.

Điều 41: Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp.

Công ty phải tổ chức thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý trong nội bộ công ty và công bố thông tin theo quy định Điều lệ công ty và quy định pháp luật chứng khoán.

CHƯƠNG VIII

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ BAN KIỂM SOÁT, VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 42: Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.

1. Hội đồng quản trị sẽ mời Trưởng ban kiểm soát tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có thể mời thêm một số thành viên Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng tham dự một số cuộc họp Hội đồng quản trị. Trưởng ban kiểm soát và thành viên Ban Tổng giám đốc điều hành được mời có thể tham gia thảo luận trong cuộc họp nhưng không có quyền tham gia biểu quyết. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ có văn bản thông báo kết quả cuộc họp này cho Trưởng ban kiểm soát và Tổng giám đốc điều hành trong thời gian năm (05) ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.

2. Tại các kỳ họp của Ban kiểm soát có nội dung quan trọng, Trưởng ban kiểm soát có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban tổng giám đốc tham gia cuộc họp để thảo luận về những vấn đề có liên quan. Thư mời họp phải có đầy đủ nội dung cần thiết và phải được chuyển đến người được mời ít nhất năm (05) ngày trước khi cuộc họp diễn ra. Trưởng ban kiểm soát sẽ có văn bản thông báo kết quả cuộc họp cho Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc điều hành trong thời gian năm (05) ngày sau khi cuộc họp kết thúc.

3. Tại các kỳ họp của Ban tổng giám đốc có nội dung quan trọng, Tổng giám đốc điều hành có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị và Trưởng ban kiểm soát tham gia cuộc họp của Ban tổng giám đốc để thảo luận những vấn đề có liên quan. Thư mời họp phải có đầy đủ nội dung cần thiết và phải chuyển đến người được mời ít nhất năm (05) ngày trước khi cuộc họp diễn ra. Tổng giám đốc điều hành sẽ có văn bản thông báo kết quả cuộc họp cho Hội đồng quản trị và Trưởng ban kiểm soát trong thời gian năm (05) ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.

Điều 43: Thông báo Nghị quyết Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc.

Bản sao các văn bản nghị quyết của Hội đồng quản trị công ty sẽ được chuyển đến cho Trưởng ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành trong thời hạn năm (05) ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.

Điều 44: Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị và Tổng giám đốc

1. Đối với công tác tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Hội đồng quản trị phải thông báo cho Tổng giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trong thời hạn hợp lý theo quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Trong trường hợp cấp thiết, Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, cán bộ điều hành khác trong công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của công ty. Hội đồng quản trị không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

3. Các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị phê duyệt theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty mà được Tổng giám đốc đề xuất phải được Hội đồng

quản trị phân hồi trong thời hạn theo quy định của Điều lệ Công ty.

4. Hội đồng quản trị quyết định khen thưởng hoặc kỷ luật đối với việc hoàn thành hoặc không hoàn thành thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc.

Điều 45: Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

1. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong mối quan hệ phối hợp với Ban kiểm soát.

a. Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến các thành viên Ban kiểm soát cùng thời gian gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị.

b. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị được gửi đến Ban kiểm soát (đồng thời với thời điểm gửi Tổng giám đốc) trong thời hạn theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty.

c. Khi Ban kiểm soát đề xuất lựa chọn Kiểm toán độc lập, Hội đồng quản trị phải phân hồi ý kiến theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty.

d. Các nội dung khác cần xin ý kiến của Ban kiểm soát phải được gửi trong thời hạn quy định và Ban kiểm soát có trách nhiệm phân hồi theo đúng quy định tại Quy chế này và Điều lệ công ty.

2. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong mối quan hệ phối với Hội đồng quản trị.

a. Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

b. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị (cùng lúc yêu cầu Tổng giám đốc điều hành, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà thành viên Ban kiểm soát quan tâm.

c. Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Hội đồng quản trị để có thêm cơ sở giúp Hội đồng quản trị trong công tác quản lý Công ty. Tùy mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, Ban kiểm soát cần phải báo cáo thống nhất với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền báo lưu ý kiến ghi vào biên bản và trường hợp Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

d. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm pháp luật chấm dứt vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả đồng thời Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông đồng thời báo cáo, công

bổ thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành.

e. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của công ty thì Ban kiểm soát phải gửi văn bản và tài liệu liên quan trước ít nhất 15 ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.

f. Các nội dung khác cần xin ý kiến của Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất là 7 ngày làm việc và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày làm việc.

Điều 46: Phối hợp hoạt động giữa Tổng giám đốc và Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát có chức năng kiểm tra và giám sát:

a. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng giám đốc (cùng lúc yêu cầu cả thành viên Hội đồng quản trị và thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban kiểm soát quan tâm.

b. Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, Ban kiểm soát cần phải báo cáo thống nhất với Tổng giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền báo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

c. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm điều lệ công ty của Tổng giám đốc, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với Tổng giám đốc trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả đồng thời Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông đồng thời công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành.

d. Thành viên Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ.

đ. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của Ban kiểm soát phải được gửi đến công ty trước ít nhất 48 giờ. Ban kiểm soát không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

e. Các nội dung khác cần xin ý kiến của Tổng giám đốc: phải được gửi trước ít nhất là 7 ngày làm việc và Tổng giám đốc sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày làm việc.

Điều 47: Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các kiểm soát viên và Tổng tổng giám đốc.

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và Tổng giám đốc sẽ thường xuyên trao đổi công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên theo đúng quy định tại Điều lệ công ty, quy chế quản trị nội bộ công ty.

2. Trường hợp khẩn cấp, các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và Ban tổng giám đốc có thể thông tin ngay (bằng gặp mặt, điện thoại hoặc email) cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát hoặc Tổng giám đốc điều hành hoặc cả ba người để được giải quyết hiệu quả.

3. Hội đồng quản trị tạo điều kiện cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Ban tổng giám đốc, cán bộ đảm nhiệm các vị trí quản lý tham gia các khóa đào tạo, hội nghị, hội thảo, khảo sát trong và ngoài nước nhằm trau dồi trình độ chuyên môn, nâng cao kiến thức quản trị, điều hành chung của công ty. Việc tham gia các khóa đào tạo, hội thảo nói trên không được ảnh hưởng đến công việc của công ty.

Điều 48: Việc tiếp cận thông tin.

1. Việc tiếp cận thông tin và tài liệu của Công ty, Ban kiểm soát có nghĩa vụ nêu lý do trong văn bản yêu cầu cung cấp và bảo mật tuyệt đối các thông tin thu thập trong quá trình giám sát hoạt động công ty. Việc tiết lộ các thông tin này chỉ được phép thực hiện khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền nhưng phải thông báo cho Hội đồng quản trị trước khi cung cấp hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Các thông tin và tài liệu này bao gồm:

a. Thông báo mời họp cùng tài liệu liên quan, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị.

b. Biên bản, Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

c. Báo cáo của Tổng giám đốc.

d. Thông tin, tài liệu về quản lý, báo cáo tài chính.

đ. Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

e. Tài liệu khác liên quan.

CHƯƠNG IX

QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG, VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC

Điều 49: Phương thức đánh giá hoạt động.

Tùy thuộc vào quy định của Hội đồng quản trị, công tác đánh giá hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý của Công ty có thể được tiến hành theo một hoặc một số phương thức sau:

1. Tự nhận xét, đánh giá.
2. Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tính nhiệm.
3. Cách thức khác do Hội đồng quản trị lựa chọn vào từng thời điểm.

Điều 50: Tiêu chí đánh giá.

Tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc, cán bộ quản lý do Hội đồng quản trị ban hành.

Điều 51: Khen thưởng, kỷ luật.

1. Hội đồng quản trị có thẩm quyền quyết định khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
2. Tổng giám đốc có thẩm quyền quyết định khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ đảm nhiệm các chức danh quản lý do Tổng giám đốc bổ nhiệm.
3. Nguyên tắc xử lý, các hình thức xử lý, trình tự xử lý vi phạm kỷ luật đối với các cán bộ quản lý của Công ty thực hiện theo quy định về kỷ luật do Công ty ban hành.

Điều 52: Đối với Thành viên Hội đồng quản trị.

1. Đánh giá hoạt động: Hội đồng quản trị sẽ kiểm điểm, đánh giá kết quả hoạt động của mỗi thành viên Hội đồng quản trị hàng năm dựa theo các chức năng và nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và kết quả thực hiện kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.
2. Khen thưởng: Tùy theo thành tích cá nhân, Hội đồng quản trị có quyền sử dụng một phần tổng mức thù lao và tiền thưởng hàng năm của Hội đồng quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua để chi thưởng cho các thành viên và xem xét khen thưởng theo quy định của pháp luật và quy chế của công ty.
3. Kỷ luật: Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các hoạt động thuộc phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể bị kỷ luật hoặc miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp được quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 53: Đối với thành viên Ban kiểm soát.

1. Đánh giá hoạt động: Ban kiểm soát sẽ đánh giá, kiểm điểm kết quả hoạt động của mỗi thành viên theo định kỳ hàng năm, dựa theo chức năng và nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và kết quả thực hiện kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát.
2. Khen thưởng: Tùy theo thành tích cá nhân, Trưởng ban kiểm soát sẽ đề nghị Hội đồng quản trị thẩm định và quyết định sử dụng một phần tổng mức thù lao và tiền thưởng hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua để chi thưởng cho các thành viên và xem xét khen thưởng theo quy định của pháp luật và quy chế công ty.

3. Kỷ luật: Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát. Các thành viên Ban kiểm soát có thể bị kỷ luật hoặc miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp đã được quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 54: Đối với Tổng giám đốc điều hành.

1. Đánh giá hoạt động: Hội đồng quản trị sẽ đánh giá phẩm chất, năng lực, kết quả và hiệu quả điều hành của Tổng giám đốc theo định kỳ hàng năm trên cơ sở đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. (Có tham khảo ý kiến của Trưởng ban kiểm soát).

2. Khen thưởng: Hội đồng quản trị sẽ quyết định việc khen thưởng cụ thể cho Tổng giám đốc. Hội đồng quản trị có quyền sử dụng quỹ khen thưởng để chi khen thưởng chung trong đó có Tổng giám đốc điều hành và xem xét khen thưởng theo quy định của pháp luật và quy chế công ty.

3. Kỷ luật: Tổng giám đốc chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng giám đốc có thể bị kỷ luật hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp đã được quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 55: Đối với các cán bộ đảm nhiệm các vị trí quản lý khác.

1. Đánh giá hoạt động: Việc đánh giá hoạt động đối với cán bộ đảm nhiệm các vị trí quản lý khác được thực hiện theo định kỳ hàng năm theo thỏa ước lao động tập thể và nội dung trong hợp đồng lao động đã được ký giữa Công ty với các cán bộ đảm nhiệm các vị trí quản lý đó.

2. Khen thưởng: Hội đồng quản trị sẽ quyết định việc khen thưởng cụ thể cho cán bộ quản lý theo đề nghị của Tổng giám đốc và theo chính sách khen thưởng của công ty. Hội đồng quản trị có quyền sử dụng quỹ khen thưởng để chi khen thưởng chung trong đó có các cán bộ đảm nhiệm các vị trí quản lý.

3. Kỷ luật: Các cán bộ đảm nhiệm vị trí quản lý có thể bị kỷ luật hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy chế kỷ luật của công ty.

Điều 56: Trách nhiệm về thiệt hại.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

CHƯƠNG X

NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 57: Tiêu chuẩn của người phụ trách quản trị công ty

Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

1. Có hiểu biết về pháp luật.
2. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 58: Quyền và nghĩa vụ của người phụ trách quản trị công ty

1. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông.
2. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.
3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.
4. Tham dự các cuộc họp.
5. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật.
6. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên.
7. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.
8. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
9. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 59: Việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty.

Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại.

Điều 60: Các trường hợp miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty.

Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

Điều 61: Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty

Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty theo

quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán.

CHƯƠNG XI

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 62: Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 63: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân, đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng

quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan.

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này.

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

d. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 64: Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mất cân vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 65: Điều khoản thi hành

Quy chế này bao gồm mười hai chương và sáu mươi sáu (66) điều đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết nhất trí thông qua ngày tháng năm 2018. Trong quá trình thực hiện có những vấn đề mới phát sinh mà xét thấy cần phải sửa đổi, bổ sung quy chế cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của công ty, công ty có thể trình Hội đồng Quản trị hợp xem xét, quyết định.

Trong trường hợp những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

Điều 66: Hiệu lực

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng Quản trị ký ban hành.

Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Trưởng các phòng, ban, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Công ty có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc thi hành Quy chế này đến toàn thể cán bộ, công nhân viên toàn Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Châu Thành

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VLXD ĐỒNG THÁP

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

Điều 10. Thu hồi cổ phần

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

Điều 16. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 17. Thay đổi các quyền

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

CHƯƠNG VIII. GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc (Tổng giám đốc)

CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

Điều 37. Kiểm soát viên

Điều 38. Ban kiểm soát

CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 39. Trách nhiệm căn trọng

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 43. Công nhân viên và công đoàn

CHƯƠNG XIII. MỐI QUAN HỆ VỚI CÔNG TY CON

Điều 44. Quyền và trách nhiệm của Công ty đối với công ty con.

Điều 45. Quyền và trách nhiệm của người đại diện quản lý phần vốn của Công ty ở công ty con.

Điều 46. Quan hệ với các công ty con.

Điều 47. Sử dụng dịch vụ chia sẻ.

CHƯƠNG XIV. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 48. Phân phối lợi nhuận

CHƯƠNG XV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 49. Tài khoản ngân hàng

Điều 50. Năm tài chính

Điều 51. Chế độ kế toán

CHƯƠNG XVI. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 52. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

Điều 53. Báo cáo thường niên

CHƯƠNG XVII. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 54. Kiểm toán

CHƯƠNG XVIII. CON ĐẤU

Điều 55. Con dấu

CHƯƠNG XIX. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 56. Chấm dứt hoạt động

Điều 57. Gia hạn hoạt động

Điều 58. Thanh lý

CHƯƠNG XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 59. Giải quyết tranh chấp nội bộ

CHƯƠNG XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 60. Điều lệ công ty

CHƯƠNG XXII. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 61. Ngày hiệu lực

PHẦN MỞ ĐẦU

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.

Căn cứ vào Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

Điều lệ của Công ty cổ phần Xây lắp và Vật liệu Xây dựng Đồng Tháp (“dưới đây gọi là Công ty”) là cơ sở pháp lý cho hoạt động của Công ty, các quy định của Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty

Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tại đại hội tổ chức chính thức vào ngày ... tháng ... năm 2018.

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1: Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này.

b. "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014.

c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010.

d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu.

e. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

f. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán.

g. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán.

h. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.

i. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

j. "Công ty" là Công ty cổ phần Xây Lấp và VLXD Đồng Tháp.

k. "Công ty con" là các công ty do Công ty cổ phần Xây Lấp và VLXD Đồng Tháp góp vốn với trên 50% vốn điều lệ.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐÔNG THÁP.

- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: DONGTHAP BUILDING MATERIALS & CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY.

- Tên Công ty viết tắt: DONGTHAP BMC.

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: số 03 đường Tôn Đức Thắng, phường 1, Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Điện thoại: 02773858959.

- Fax: 02773852751.

- E-mail: bmc@dongthapbmc.vn.

- Website: dongthapbmc.vn.

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 56 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 57 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật, bao gồm: Tổng giám đốc công ty là người đại diện theo pháp luật.

Trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được quy định tại điều 13, điều 14 của luật doanh nghiệp 2014 cụ thể như sau:

- Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là cá nhân đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật.

1. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp có trách nhiệm sau đây:

a. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm hợp pháp của doanh nghiệp.

b. Trung thành với lợi ích của doanh nghiệp, không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích cho tổ chức, cá nhân khác.

c. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp về việc người đại diện đó có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác.

2. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho doanh nghiệp do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 1 điều này.

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê.	6810 (chính)
2	Hoàn thiện công trình xây dựng. Chi tiết: trang trí nội thất.	4330
3	Đóng tàu và cấu kiện nổi.	3011

Stt	Tên ngành	Mã ngành
	Chi tiết: đóng mới các loại phương tiện thủy.	
4	Sản xuất vật liệu xây dựng. Chi tiết: sản xuất gạch ngói và gạch lát nền.	2392
5	Lắp đặt hệ thống điện. Chi tiết: lắp đặt hệ thống chiếu sáng đô thị, công trình công cộng.	4321
6	Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: san lấp mặt bằng.	4312
7	Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: vận tải hành khách bằng đường bộ.	4932
8	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: xây dựng công trình giao thông.	4210
9	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: xây dựng công trình công nghiệp. Đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp. Thi công xây dựng công trình thủy lợi (nạo vét kênh mương). Thi công công trình bờ kè, cầu cảng.	4290
10	Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: xây dựng công trình công cộng; đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp từ 35KV trở xuống.	4220
11	Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: xây dựng công trình dân dụng.	4100
12	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao. Chi tiết: sản xuất bê tông và các sản phẩm khác từ xi măng, vữa.	2395
13	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: lập dự án đầu tư (báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo đầu tư).	7110

Stt	Tên ngành	Mã ngành
	quản lý đầu tư xây dựng. Khoan, khảo sát xây dựng. Giám sát thi công xây dựng công trình: dân dụng, công nghiệp (nhẹ, CBTP, VLXD). HT kỹ thuật, lĩnh vực: xây dựng - hoàn thiện; lắp đặt thiết bị công trình dân dụng. Thiết kế xây dựng công trình: dân dụng, vỏ bao che công trình công nghiệp (nhẹ, CBTP, VLXD), hạ tầng kỹ thuật. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình: giao thông (cầu, đường bộ). Thẩm tra thiết kế kỹ thuật và dự toán.	
14	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: thử nghiệm cơ lý vật liệu xây dựng, kiểm định chất lượng xây dựng.	7120
15	Vận tải hành khách đường thủy nội địa. Chi tiết: vận tải hành khách bằng đường thủy, đường sông liên vận.	5021
16	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.	4933
17	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: khai thác cát.	0810
18	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: kinh doanh gỗ tròn và gỗ xẻ. Mua bán vật liệu xây dựng.	4663
19	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa. Chi tiết: vận tải hàng hóa bằng đường thủy; đường sông liên vận.	5022
20	Sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi tiết: cơ khí sửa chữa các loại phương tiện thủy, bộ.	3312
21	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.	4322
22	Sản xuất sản phẩm chịu lửa. Chi tiết: sản xuất gạch không nung. Sản xuất bê tông trộn sẵn và bê tông khô.	2391

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: Xây dựng và giữ vững thương hiệu, đồng thời mở rộng và phát triển đồng bộ các lĩnh vực hoạt động khác mà Công ty đang có ưu thế, tạo nền tảng phát triển một cách ổn định, lâu dài và vững chắc, tối đa hóa lợi nhuận, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các cổ đông, làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Địa bàn hoạt động của công ty tại Việt Nam và ở nước ngoài theo đúng quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 386.000.000.000 đồng (Ba trăm tám mươi sáu tỷ Việt Nam đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 38.600.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phát hành thêm phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà

Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phần mà cổ đông nắm giữ, họ và tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số chứng minh nhân dân hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người nắm giữ, tên mã số doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức và các thông tin bắt buộc khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:

a. Nêu rõ lý do bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được thì phải đem trả cho Công ty để tiêu hủy.

b. Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại chứng nhận cổ phiếu mới.

5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy toàn bộ và Công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

3. Việc chuyển nhượng cổ phần ưu đãi theo cam kết được thực hiện theo quy định riêng đối với từng loại cổ phần.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh theo tỷ lệ bằng lãi suất huy động 12 tháng của Ngân hàng Nhà nước huy động vào thời điểm

thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát.
4. Tổng giám đốc.

CHƯƠNG IV CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa.

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu.

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.

f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật.

i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp.

j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này.

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp.

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty, chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định. Không được rút vốn ra khỏi công ty trái quy định. Trường hợp cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần bị rút và các thiệt hại xảy ra.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú hoặc đại chi liên hệ thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi đại chi của cổ đông.

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Cổ đông chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

7. Báo cáo về sở hữu cổ đông lớn và có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp đặc biệt theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký doanh nghiệp có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ.

c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này.

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ

đồng hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.
- b. Báo cáo của Hội đồng quản trị.
- c. Báo cáo của Ban kiểm soát.
- d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

a. Thông qua báo cáo tài chính năm.

b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị.

d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập.

e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị.

g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty.

h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập.

- i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty.
 - j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý.
 - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông.
1. Quyết định giao dịch đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán.
- m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại.
 - n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.
 - o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng.
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
- a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp.
 - b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp.

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội.

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội.

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp.

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội.

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất [mười lăm (15)] ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp.

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên.

c. Phiếu biểu quyết.

d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.

e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung.

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ [5]% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này.

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội,

cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp.

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”).

b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội.

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Thông qua báo cáo tài chính năm.

b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty.

c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.

2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp đó là: Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát, và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có 2 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát, thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

5. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 điều 21, các nội dung khác có thể được thông qua Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.

b. Mục đích lấy ý kiến.

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông.

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định.

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến.

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời.

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết.
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết.
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề.
- e. Các vấn đề đã được thông qua.
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.

c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp.

d. Họ, tên chủ tọa và thư ký.

e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp.

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng.

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng.

i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh.
- b. Trình độ học vấn.
- c. Trình độ chuyên môn.
- d. Quá trình công tác.
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác.

f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty.

g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có).

h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có).

i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên, từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên, từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên, từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên, từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên, từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên, từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên, và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị **03 người**. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

a. Đối với công ty đại chúng chưa niêm yết Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Trường hợp công ty đại chúng chưa niêm yết hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 134 Luật doanh nghiệp, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của công ty đồng thời phải đảm bảo ít nhất một phần năm (1/5) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị của công ty có ít hơn (05) năm người, công ty phải đảm bảo có một thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập.

b. Đối với công ty niêm yết Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

3. Tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng Quản trị:

a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp.

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.

d. Thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Giám đốc, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty, không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của Công ty.

* Tiêu chuẩn của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị:

Thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm b khoản điều 134

Luật doanh nghiệp có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a. Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty, không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền kề trước đó.

b. Không phải là người đang được hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định.

c. Không phải là người có vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty, là người quản lý công ty hoặc công ty con của công ty.

d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty.

đ. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị.

b. Có đơn từ chức.

c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi.

d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị.

g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty.

b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ.

d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác.

e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó.

f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.

g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.

h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông.

i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định.

j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức.

k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại.

l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền.

m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền.

n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông.

o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.

p. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty.

b. Thành lập các công ty con của Công ty.

c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty.

d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty.

e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty.

f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm.

g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài.

h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ.

i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng.

j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.

k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, hoặc tiền lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong

việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị .

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị, chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.
- b. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.
- c. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị.
- d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.
- đ. Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông.
- e. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05)

ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a. Ban kiểm soát.
- b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác.
- c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị.
- d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị.
- e. Các trường hợp khác (nếu có).

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty, những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp.

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết.

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà

thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ.

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định

của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông.

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.

d. Tham dự các cuộc họp.

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật.

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên.

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.

- h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VIII

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm khẩn cấp để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc, ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất.

c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty.

e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định.

f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ.

g. Chậm nhất đến ngày 31 tháng 12 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm.

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế quản trị nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

6. Tổng giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp.

b. Có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty

CHƯƠNG IX

BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 37. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty cụ thể như sau:

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp.

b. Không phải là người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác.

c. Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý Công ty. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

d. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Không được làm kiểm soát viên thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty.

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

4. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát.

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát.

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

5. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp.

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

c. Có đơn từ chức và được chấp thuận.

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

6. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công.

b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 38. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty.

b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tình hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.

f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

CHƯƠNG X

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và thực hiện trách nhiệm theo điều 160 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Cổ đông (người đại diện được ủy quyền) sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân, đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm(20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan.

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm(20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho

các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này.

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế

hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 43. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực,

thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII

MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC CÔNG TY CON

Điều 44. Quyền và trách nhiệm của Công ty đối với Công ty con

1. Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình với tư cách là chủ sở hữu trong quan hệ với Công ty con theo quy định.

2. Hợp đồng, giao dịch và quan hệ khác giữa Công ty và Công ty con đều phải được thiết lập và thực hiện độc lập, bình đẳng.

3. Công ty không được can thiệp ngoài (vượt) thẩm quyền của chủ sở hữu buộc Công ty con thực hiện hoạt động kinh doanh trái với thông lệ kinh doanh bình thường (giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc thực hiện hoạt động không sinh lợi mà không đền bù hợp lý trong năm tài chính có liên quan, gây thiệt hại cho Công ty con thì Công ty phải chịu trách nhiệm về thiệt hại đó.

Điều 45. Quyền và trách nhiệm của người đại diện quản lý phần vốn của Công ty ở Công ty con

1. Quyền, trách nhiệm của Người đại diện:

a. Người đại diện thực hiện quyền, trách nhiệm của Công ty đầu tư tại doanh nghiệp khác có trách nhiệm tuân thủ pháp luật, thực hiện đúng các nhiệm vụ được chủ sở hữu giao. Kịp thời báo cáo cho Công ty về tình hình doanh nghiệp hoạt động thua lỗ, không đảm bảo khả năng thanh toán, không hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao hoặc những trường hợp sai phạm khác.

b. Người đại diện phải xin ý kiến chủ sở hữu bằng văn bản trước khi tham gia ý kiến, biểu quyết và quyết định mọi vấn đề tại các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông, các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên (về ngành nghề kinh doanh, mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư phát triển, việc tổ chức lại, giải thể, phá sản, ban hành điều lệ, sửa đổi – bổ sung điều lệ, việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ, đề cử để bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, xử lý vi phạm đối với thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý, phân phối lợi nhuận và trích lập, sử dụng các quỹ, chia cổ tức hàng năm).

2. Tiền lương, thưởng và quyền lợi của Người đại diện:

a. Người đại diện, điều hành tại các Công ty con được hưởng lương, phụ cấp trách nhiệm (nếu có), tiền thưởng và các quyền lợi khác quy định tại điều lệ của công ty đó và do công ty đó trả theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, hàng năm người đại diện còn được thưởng theo quy chế quản lý Người đại diện vốn của Công ty tại các công ty con.

b. Người đại diện kiêm nhiệm, không tham gia chuyên trách trong Ban quản lý, điều hành doanh nghiệp khác thì thù lao, tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp trách nhiệm (nếu có) và các quyền lợi khác được hưởng do Công ty chỉ trả theo quy định của pháp luật.

c. Người đại diện khi được quyền mua cổ phần phát hành thêm, trái phiếu chuyển đổi theo quyết định của công ty cổ phần (trừ trường hợp được mua theo quyền của cổ đông hiện hữu) thì phải báo cáo bằng văn bản cho Công ty. Công ty quyết định bằng văn bản số lượng cổ phần của Người đại diện được mua theo mức độ đóng góp và kết quả thực hiện nhiệm vụ của Người đại diện. Phần còn lại thuộc quyền mua của chủ sở hữu vốn. Trường hợp Người đại diện được cử làm đại diện phần vốn của công ty tại nhiều đơn vị, thì được ưu tiên lựa chọn thực hiện quyền mua tại 01 đơn vị. Người đại diện tại công ty cổ phần có trách nhiệm chuyển quyền mua cổ phần còn lại cho chủ sở hữu vốn.

3. Chế độ báo cáo của Người đại diện:

Trên cơ sở báo cáo tài chính và các báo cáo khác của Công ty con được cử làm Người đại diện, định kỳ hàng quý và kết thúc năm tài chính hoặc đột xuất theo yêu cầu của chủ sở hữu. Người đại diện phải tổng hợp, đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh, tài chính, kiến nghị các biện pháp xử lý, tháo gỡ khó khăn nhằm nâng cao hiệu quả vốn của Công ty đầu tư tại các Công ty con.

Điều 46. Quan hệ với các Công ty con

1. Công ty thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cổ đông hoặc thành viên bên góp vốn chi phối tại Công ty con theo quy định của pháp luật và điều lệ của công ty đó.

2. Công ty trực tiếp quản lý cổ phần, vốn góp chi phối ở Công ty con thông qua người đại diện phần vốn của Công ty tại các Công ty con.

3. Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Cử, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật người đại diện phần vốn góp chi phối của Công ty tại các Công ty con. Người đại diện được trực tiếp tham gia ứng cử vào các chức danh điều hành quản lý tại các Công ty con, phù hợp với pháp luật hiện hành và điều lệ của công ty đó.

b. Thu lợi tức và chịu rủi ro từ phần vốn góp của mình ở các Công ty con.

c. Giám sát, kiểm tra việc sử dụng, bảo toàn và phát triển phần vốn đã góp vào các Công ty con.

d. Yêu cầu Công ty con cung cấp các báo cáo, tài liệu, thông tin cần thiết như quy định để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của Công ty.

đ. Công ty có quyền chỉ phối các Công ty con thông qua người đại diện phần vốn ở các Công ty con phù hợp với Điều lệ của Công ty. Điều lệ của Công ty con bị chỉ phối các vấn đề sau: định hướng phát triển ngành và lựa chọn công nghệ mới, xây dựng kế hoạch dài hạn về phát triển sản xuất, kinh doanh, đầu tư, thương mại, dịch vụ, Phối hợp nghiên cứu khoa học công nghệ, định hướng phát triển nguồn nhân lực, nghiên cứu khai thác thị trường; sử dụng thương hiệu chung của Công ty trong kinh doanh; và các công việc khác theo quy định của pháp luật.

e. Các quyền, nghĩa vụ khác theo pháp luật và điều lệ của Công ty đó.

4. Quyền và nghĩa vụ của Công ty con:

a. Thực thi tất cả các nghĩa vụ theo quy định về quyền của chủ sở hữu tại khoản 3 điều này.

b. Quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn vốn góp của Công ty.

c. Thực hiện trả lợi tức cho Công ty theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

d. Cung cấp các báo cáo, tài liệu, thông tin cần thiết để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của Công ty.

Điều 47. Sử dụng dịch vụ chia sẻ

Công ty xây dựng và thực hiện quy chế sử dụng dịch vụ chia sẻ chung trong các lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật công nghệ tạo cơ sở cho sự phát triển đồng đều của các đơn vị thành viên và tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

CHƯƠNG XIV PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 48. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 49. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 50. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 dương lịch. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 năm sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 51. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XVI

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 52. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 54 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp Công ty đã niêm yết) và Cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi hoặc lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết hoặc công ty đại chúng quy mô lớn) theo

các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 53. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVII KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 54. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVIII

CON DẤU

Điều 55. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.
2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIX

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 56. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn.
 - b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 57. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 58. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh

lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a. Các chi phí thanh lý.

b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết.

c. Nợ thuế.

d. Các khoản nợ khác của Công ty.

e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 59. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:

a. Cổ đông với Công ty.

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị

hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XXI BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 60. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXII NGÀY HIỆU LỰC

Điều 61. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 22 chương 61 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Xây Lắp và VLXD Đồng Tháp nhất trí thông qua ngày tháng năm 2018 tại Đồng Tháp và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười lăm (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

- a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương.
- b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh.
- c. Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN HỮU PHƯỚC